

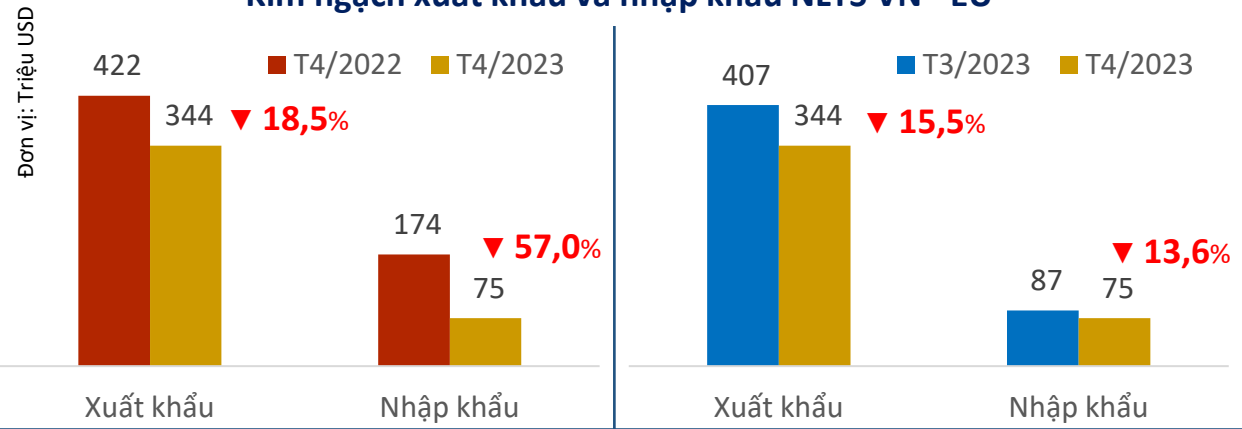
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **Liên Minh Châu Âu (EU)**

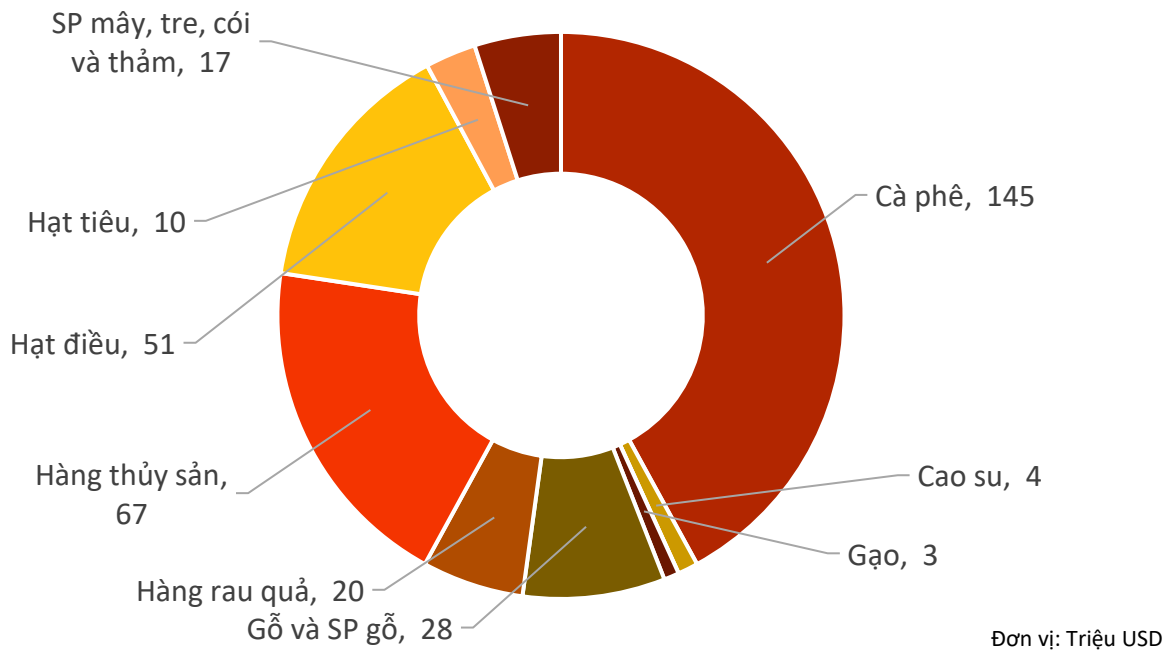


# TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU THÁNG 4/2023

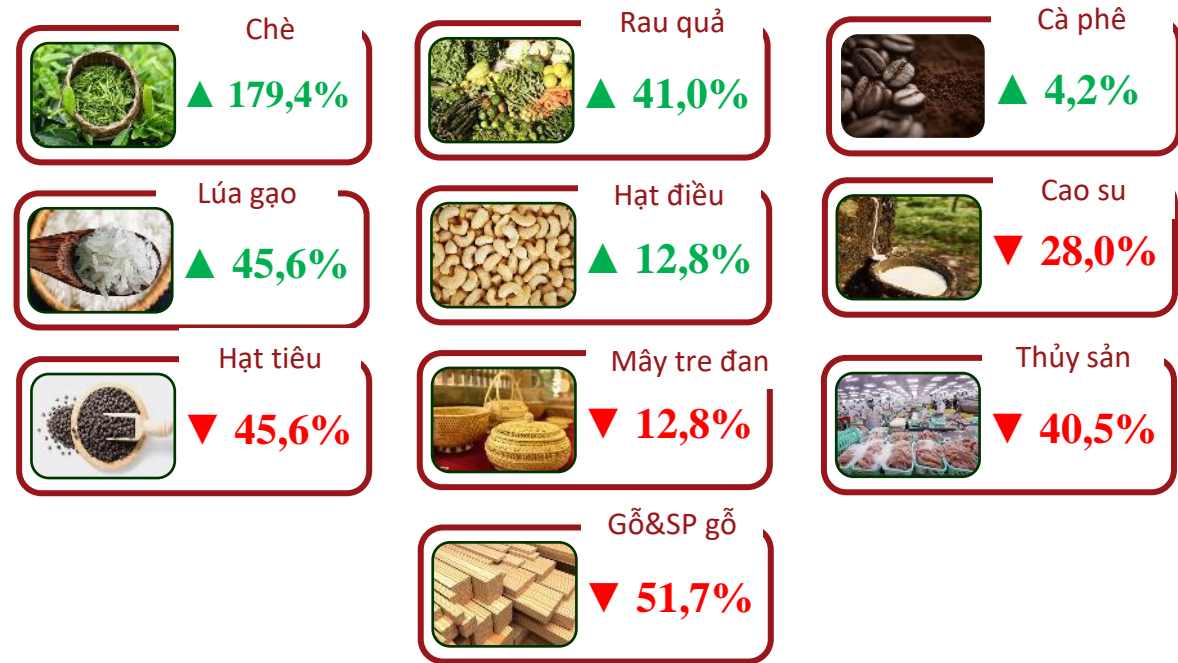
## Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu NLTS VN - EU



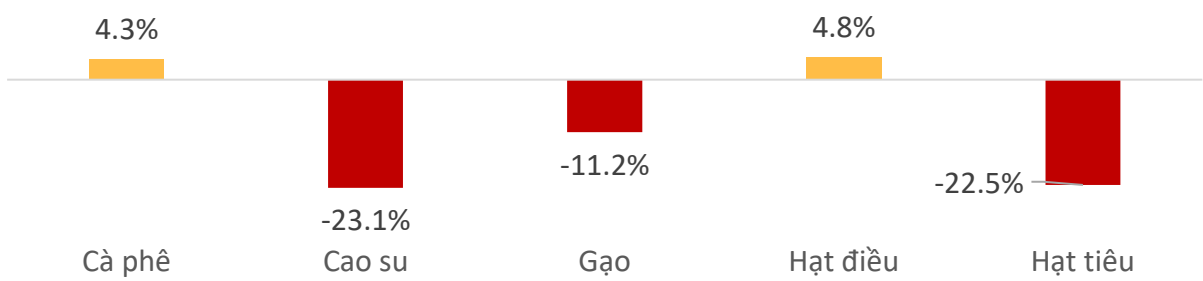
## Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính VN sang thị trường EU T4/2023



## Biến động giá trị xuất khẩu NLTS chính VN sang thị trường EU T4/2023 so với T4/2022



## Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS chính VN sang thị trường EU T4/2023 so với T4/2022



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan



## Quy định mới về mức dư lượng tối đa

Mới đây Ủy ban châu Âu (EU) đã đưa ra quy định mới liên quan đến mức dư lượng tối đa (MRL) về dư lượng hoá chất có trong thực phẩm. Quy định này có

hiệu lực từ 26/9/2023 và áp dụng trên các sản phẩm nông sản như rau, củ quả tươi và đông lạnh, nhóm các loại hạt như hạt điều, cà phê.... Đây là những mặt hàng xuất khẩu lớn của Việt Nam sang thị trường này.



Nguồn: [Thesaigontimes.vn](https://thesaigontimes.vn)

## Nền kinh tế châu Âu tăng trưởng nhanh hơn dự báo

Ngày 15/5, EU công bố báo cáo cho biết nền kinh tế châu Âu sẽ tăng trưởng nhanh hơn dự kiến trong năm nay và năm tới, bất chấp lạm phát cao và lãi suất tăng.

Theo đó, 27 thành viên của Ủy ban châu Âu (EU) sẽ tăng trưởng trung bình 1% vào năm 2023, tăng so với ước tính trước đó là 0,8%. Ủy ban châu Âu đã nâng dự báo tăng trưởng trong năm 2024 lên 1,7% từ 1,6%. 20 thành viên khu vực đồng tiền chung châu Âu dự kiến tăng trưởng trung bình 1,1% và 1,6% trong năm tới.

Nền kinh tế Vương quốc Anh dự kiến sẽ yếu hơn, với mức tăng trưởng dự kiến là 0,25% trong năm nay và 0,75% vào năm 2024, theo Ngân hàng Trung ương Anh. Với những lo ngại về suy thoái kinh tế, tăng trưởng của EU cho đến nay trong năm

nay đã mạnh hơn dự kiến khi ước tính tăng trưởng cuối cùng được thực hiện vào tháng 2. Báo cáo của Ủy ban châu Âu nhấn mạnh nền kinh tế EU đang xoay sở thích nghi với những cú sốc do đại dịch gây ra và xung đột ở Ukraine.

Nguồn: [Congthuong.vn](https://congthuong.vn)





# LÚA GẠO

## Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường EU T4/2023

**KIM NGẠCH**  
**7,6** triệu USD



↗ Tăng **4,6%** so với T3/2023

↗ Tăng **45,6%** so với T4/2022

↑ Cao hơn **2,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **23,6 tr.USD**, đạt **39,9%** kim ngạch 2022

**KHỐI LƯỢNG**  
**11,6** nghìn tấn



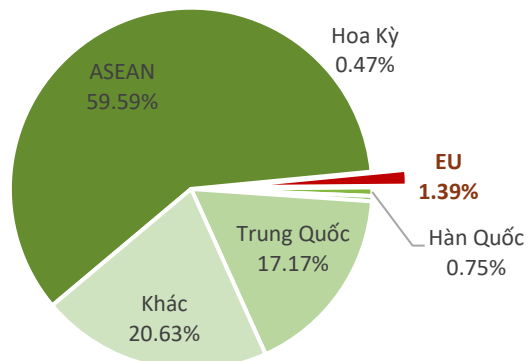
↗ Tăng **13,9%** so với T3/2023

↗ Tăng **64,1%** so với T4/2022

↑ Cao hơn **4,5 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **35,1 nghìn tấn**, đạt **41,3%** lượng năm 2022

## Tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường EU T4/2023



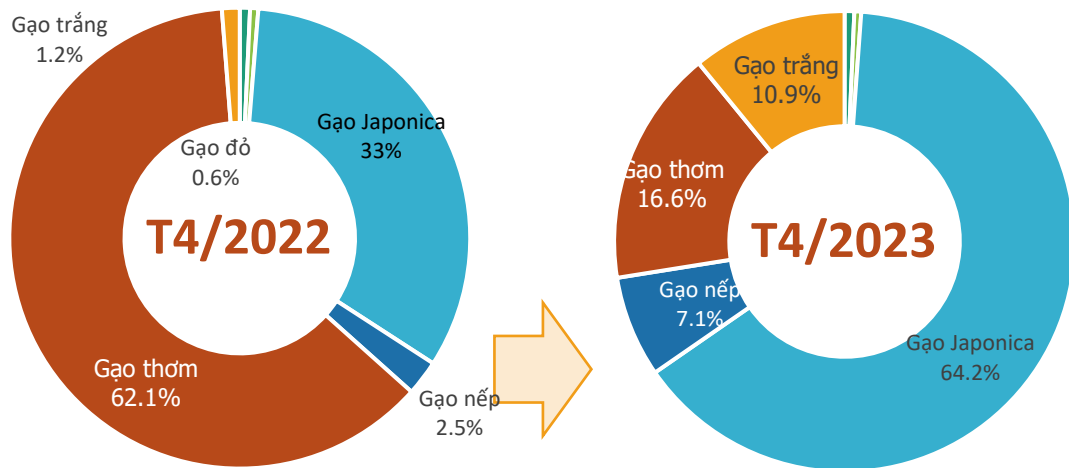
## Biến động tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường EU T4/2023



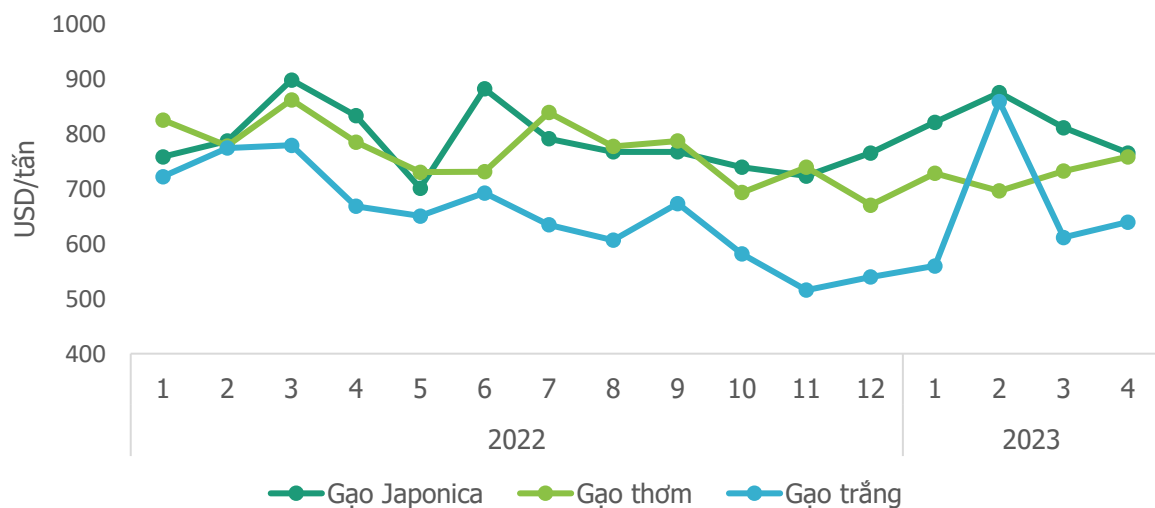


# LÚA GẠO

## Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường EU



## Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường EU T4/2023



## Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường EU T4/2023



### Gạo Japonica

Kim ngạch: **4,9** triệu USD  
 Tăng **42%** so với T3/2023  
 Tăng **171%** so với T4/2022



### Gạo thơm

Kim ngạch: **1,3** triệu USD  
 Giảm **64%** so với T3/2023  
 Giảm **63%** so với T4/2022



### Gạo trắng

Kim ngạch: **0,8** triệu USD  
 Tăng **222%** so với T3/2023  
 Tăng **1117%** so với T4/2022

### Gạo Japonica

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **766 USD/tấn**; giảm **6%** so với tháng trước; và giảm **8%** so với cùng kỳ năm 2022.

### Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **759 USD/tấn**; tăng **4%** so với tháng trước; và giảm **4%** so với cùng kỳ năm 2022.

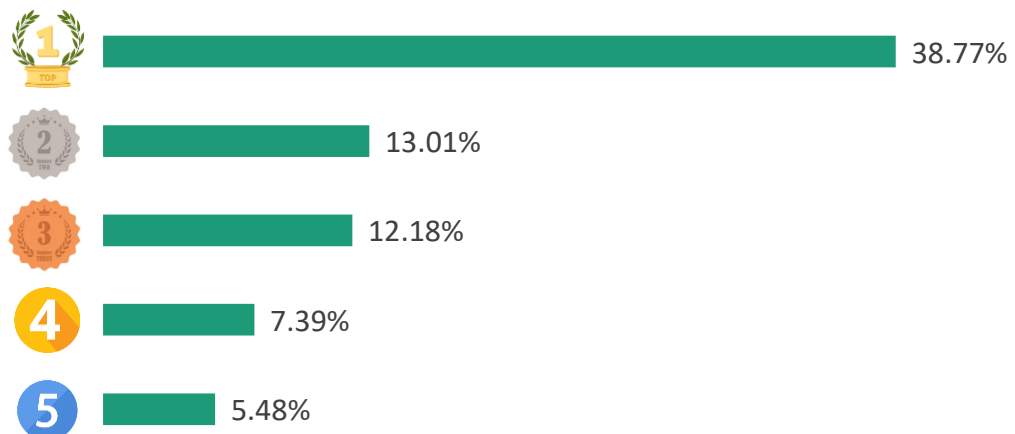
### Gạo trắng

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **640 USD/tấn**; tăng **5%** so với tháng trước; và giảm **4%** so với cùng kỳ năm 2022.

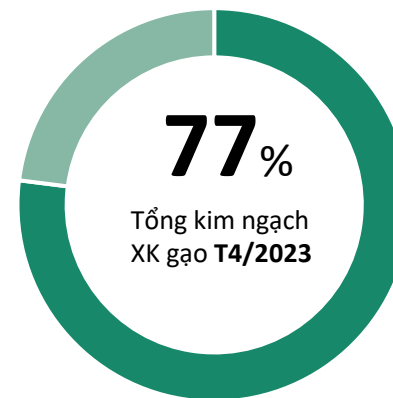


# LÚA GẠO

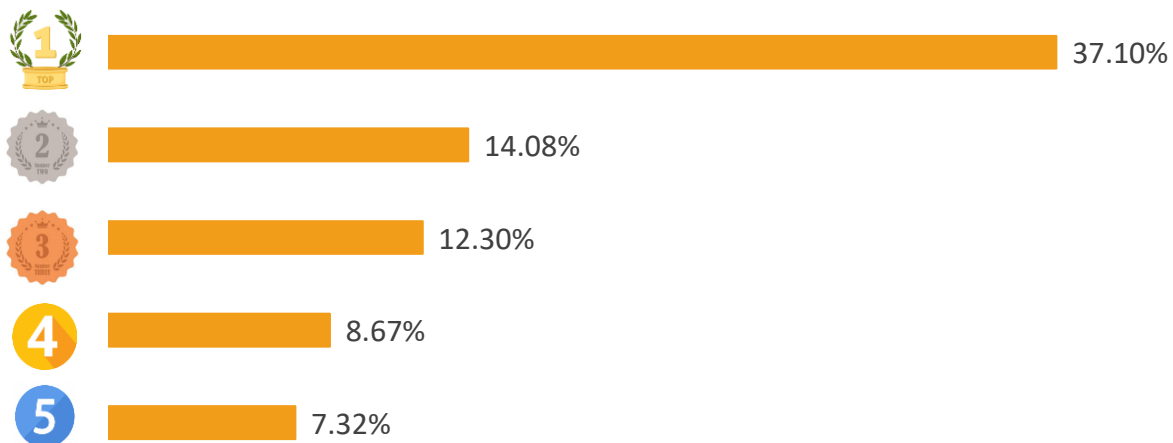
## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu T4/2023



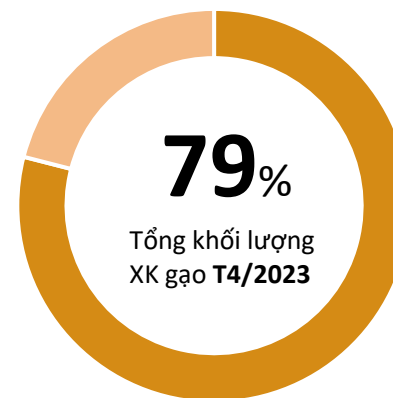
## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023



## TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023







# LÚA GẠO

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO EU



Giá gạo đang tăng mạnh tại các quốc gia châu Âu. Tại Anh, giá gạo hiện cao hơn 23% so với cùng kỳ năm ngoái. Chủ yếu là do thời tiết xấu tại các quốc gia sản xuất gạo lớn trên thế giới. Hơn nữa, thời tiết khô hạn tại Tây Ban Nha đang gây thêm áp lực đối với nguồn cung gạo. Tây Ban Nha là quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ 2 tại châu Âu và là nước xuất khẩu gạo lớn thứ 5 sang Anh.

*Nguồn: The Grocer*

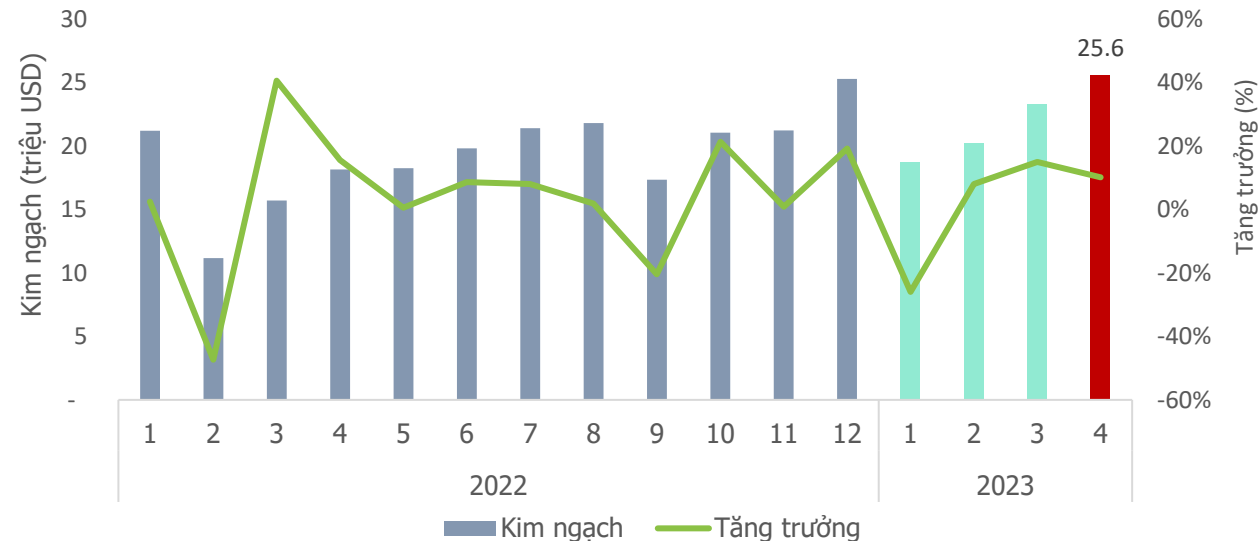


TIN LIÊN QUAN



# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

## Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2023



## Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, T4/2023



KIM NGẠCH  
**25,6**  
triệu USD

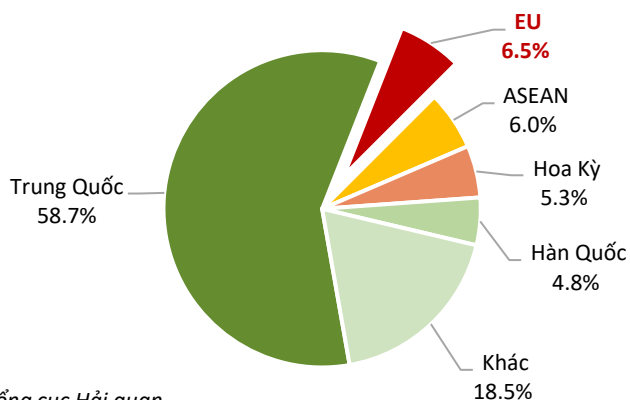
Tăng **10,1%** so với T3/2023

Tăng **41,0%** so với T4/2022

Cao hơn **6,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **87,7 tr.USD**, đạt **37,8%** kim ngạch 2022

## Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường EU, T4/2023



## Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang thị trường EU, T4/2023

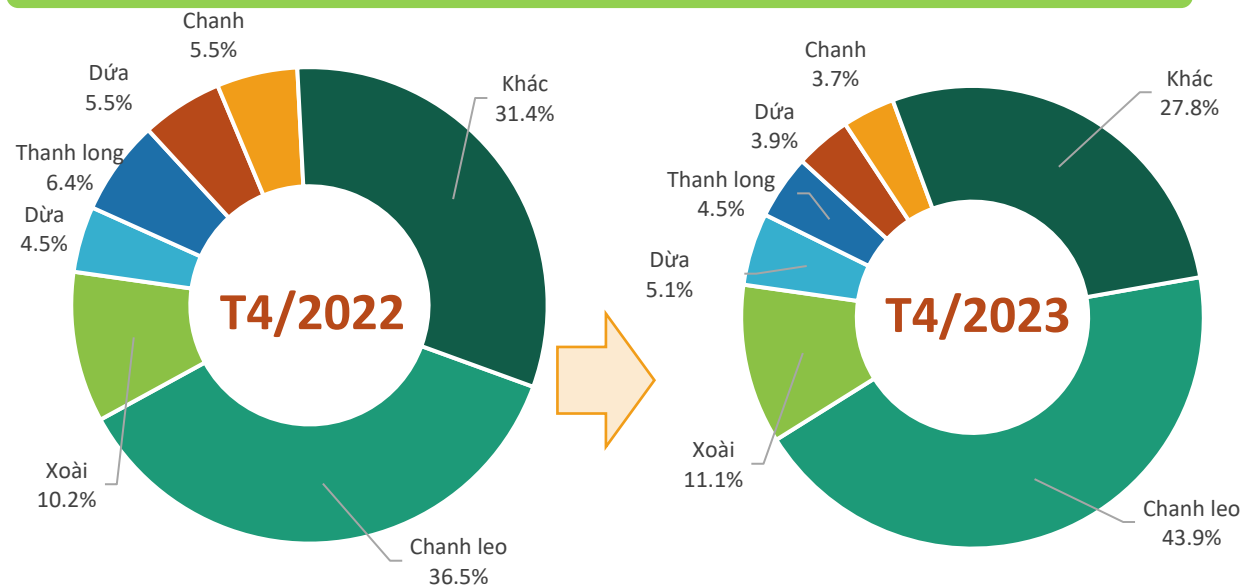






# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

## Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2023



## Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, T4/2023



### Chanh leo

Kim ngạch: **11,2** triệu USD

Tăng **2,7%** so với T3/2023

Tăng **69,6%** so với T4/2022



### Xoài

Kim ngạch: **2,8** triệu USD

Giảm **5,2%** so với T3/2023

Tăng **44,9%** so với T4/2022



### Dừa

Kim ngạch: **1,3** triệu USD

Tăng **31,0%** so với T3/2023

Tăng **59,3%** so với T4/2022



### Thanh long

Kim ngạch: **1,1** triệu USD

Tăng **23,0%** so với T3/2023

Giảm **1,6%** so với T4/2022



### Dứa

Kim ngạch: **1,0** triệu USD

Tăng **13,2%** so với T3/2023

Tăng **0,05%** so với T4/2022



### Chanh

Kim ngạch: **0,94** triệu USD

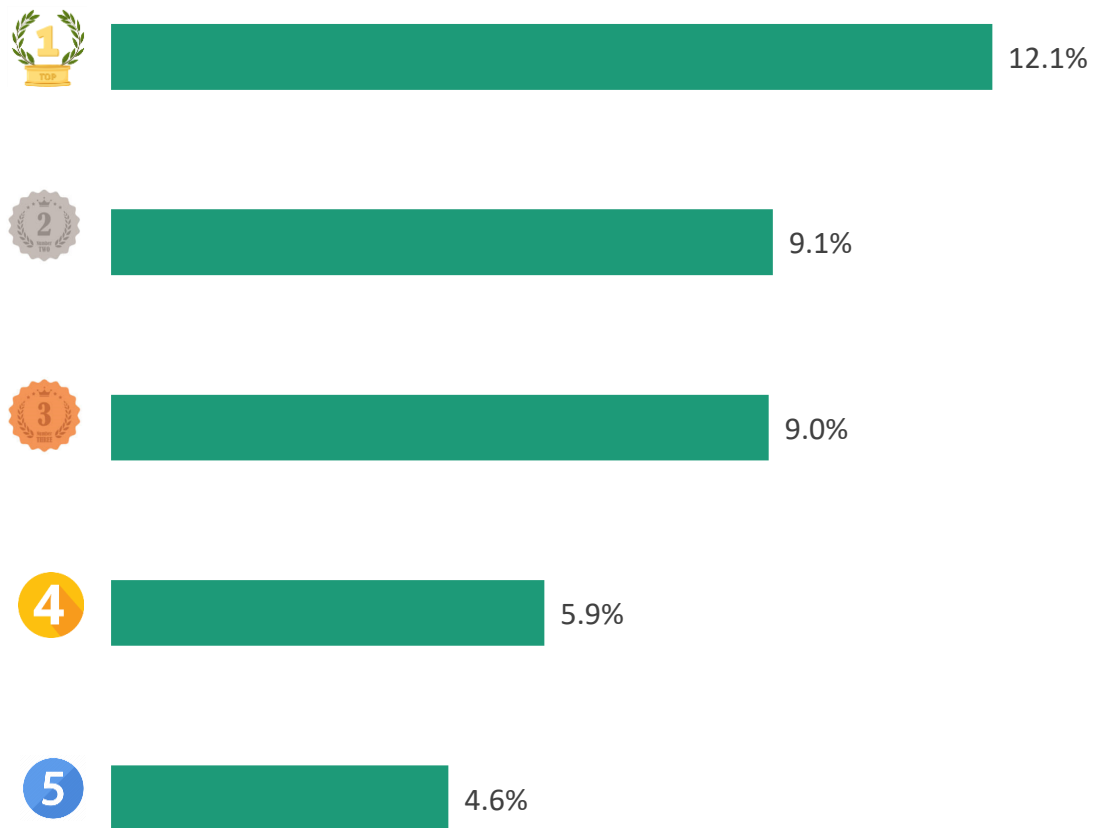
Tăng **7,8%** so với T3/2023

Giảm **5,8%** so với T4/2022

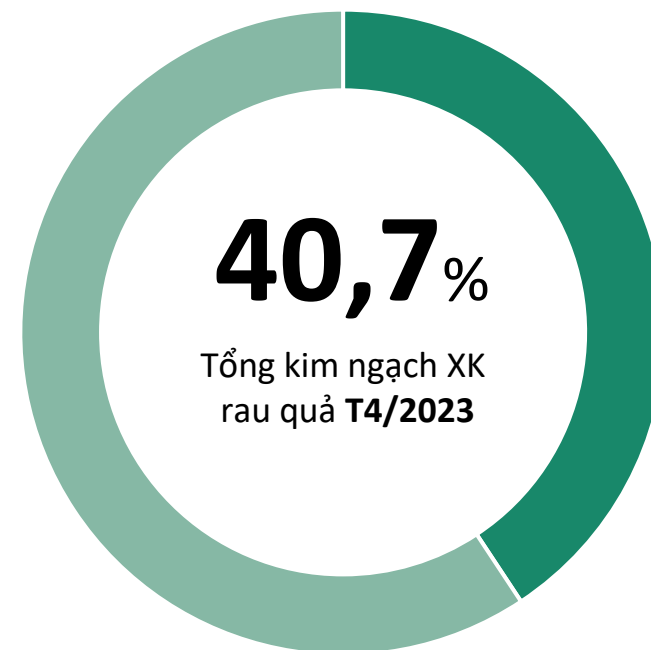


# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, T4/2023



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU, T4/2023





# RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

## Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T4/2023



## Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường EU, T4/2023

KIM NGẠCH

**4,3**

triệu USD



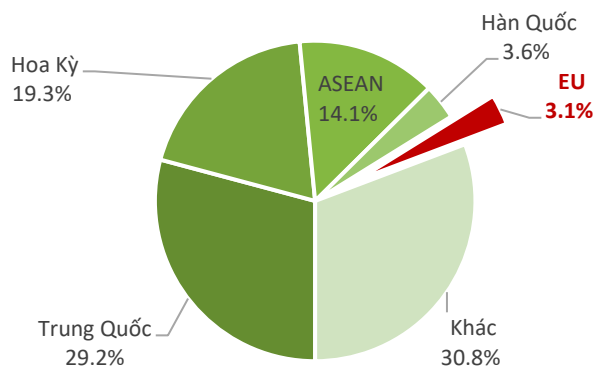
Giảm **20,7%** so với T3/2023

Tăng **52,3%** so với T4/2022

Cao hơn **0,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **19,1 triệu USD**, đạt **38,6%** kim ngạch 2022

## Tỷ trọng giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T4/2023



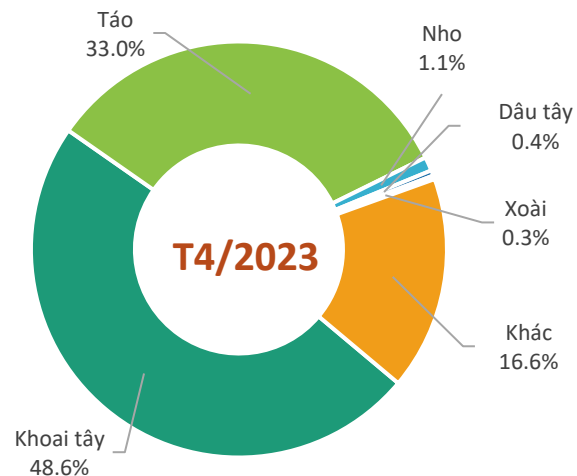
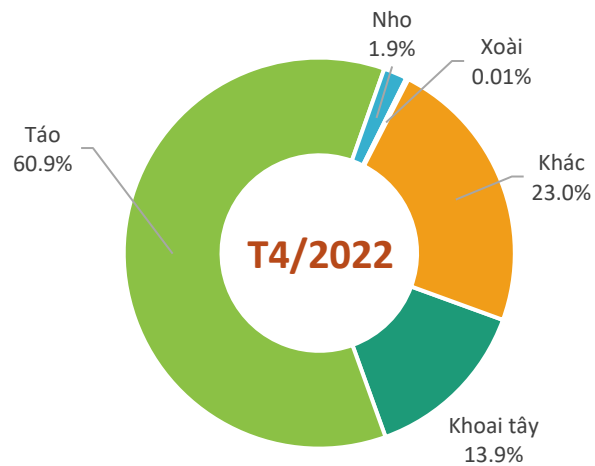
## Biến động tỷ trọng giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T4/2023





# RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

## Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường EU, T4/2023



## Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường EU, T4/2023



### Khoai tây

Kim ngạch: **2,1** triệu USD  
 Giảm **7,8%** so với T3/2023  
 Tăng **430,7%** so với T4/2022



### Táo

Kim ngạch: **1,4** triệu USD  
 Giảm **30,1%** so với T3/2023  
 Giảm **17,5%** so với T4/2022



### Nho

Kim ngạch: **47** nghìn USD  
 Giảm **55,8%** so với T3/2023  
 Giảm **15,2%** so so với T4/2022



### Dâu tây

Kim ngạch: **18** nghìn USD  
 Giảm **65,5%** lần so với T3/2023  
 Tăng **253,2** lần so với T4/2022





Hiệp hội Thương mại Trái cây Đức (DFHV) đã chỉ trích gay gắt kế hoạch cấm đóng gói trái cây và rau củ của EU. Nguyên nhân được cho là nó không làm giảm lãng phí thực phẩm cũng như không tăng thời hạn sử dụng của sản phẩm. Hơn nữa, DFHV cũng cho rằng kế hoạch sẽ là phân biệt đối xử nếu lệnh cấm này trong lĩnh vực thực phẩm chỉ áp dụng cho trái cây và rau củ.

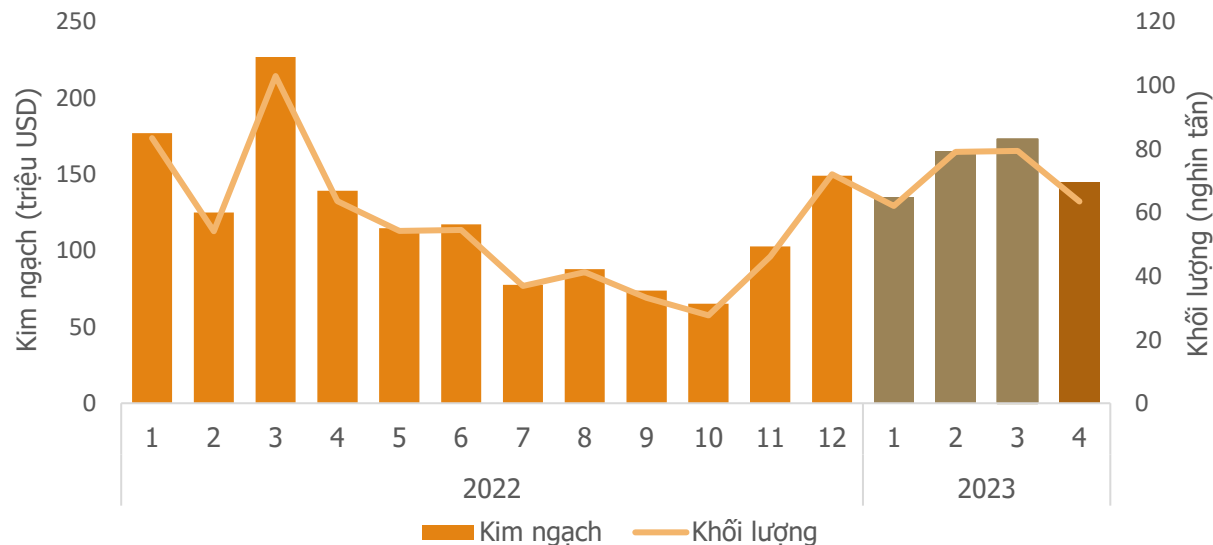
Trong khi đó, DFHV chỉ ra việc sử dụng bao bì sẽ bảo vệ các sản phẩm trái cây và rau củ khỏi hư hỏng và đảm bảo vệ sinh, kéo dài thời hạn sử dụng và cung cấp thông tin cho người tiêu dùng. Hơn nữa, tỷ lệ chất thải bao bì từ trái cây và rau củ trong ngành công nghiệp thực phẩm chỉ dưới 2%.

*Nguồn: Fresh-market.info*



# CÀ PHÊ

## Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường EU T4/2023

### KIM NGẠCH

**145,7** triệu USD

▼ Giảm **16,1%** so với T3/2023

▲ Tăng **4,2%** so với T4/2022

↗ Cao hơn hơn **23,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **618,1 tr.USD**, đạt **42,4%** kim ngạch 2022

### KHỐI LƯỢNG

**63,5** nghìn tấn

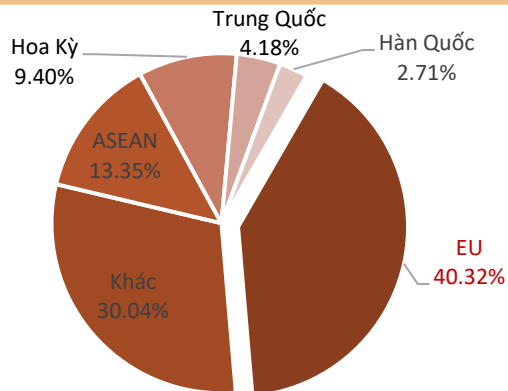
▼ Giảm **20%** so với T3/2023

▼ Giảm **0,2%** so với T4/2022

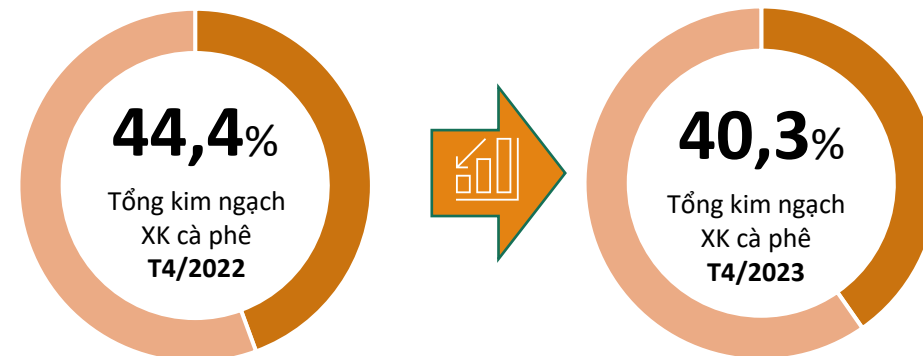
↗ Cao hơn **7,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 3 tháng 2023 đạt **284,1** nghìn tấn, đạt **42,4%** lượng năm 2022

## Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường EU T4/2023

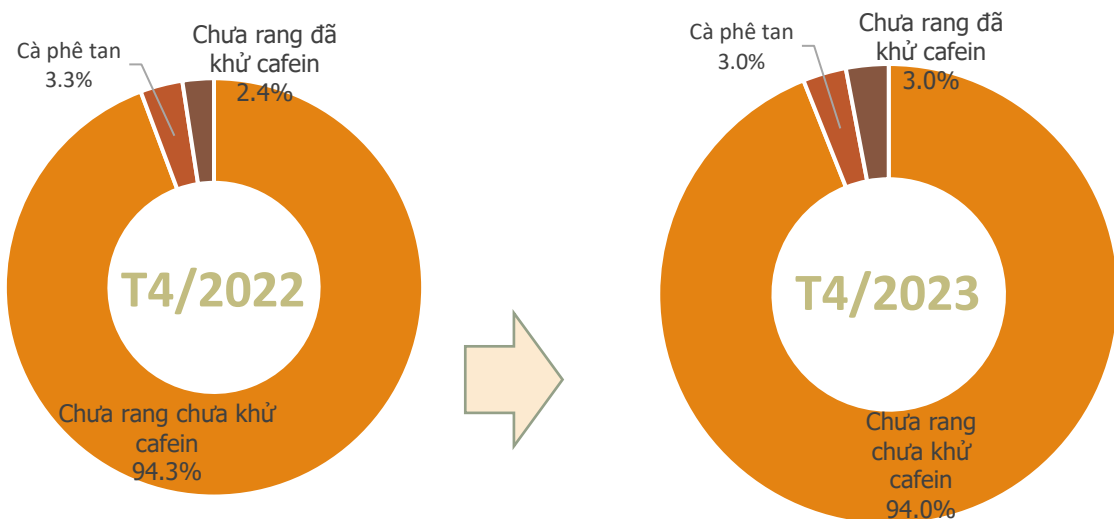


## Biến động tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường EU T4/2023

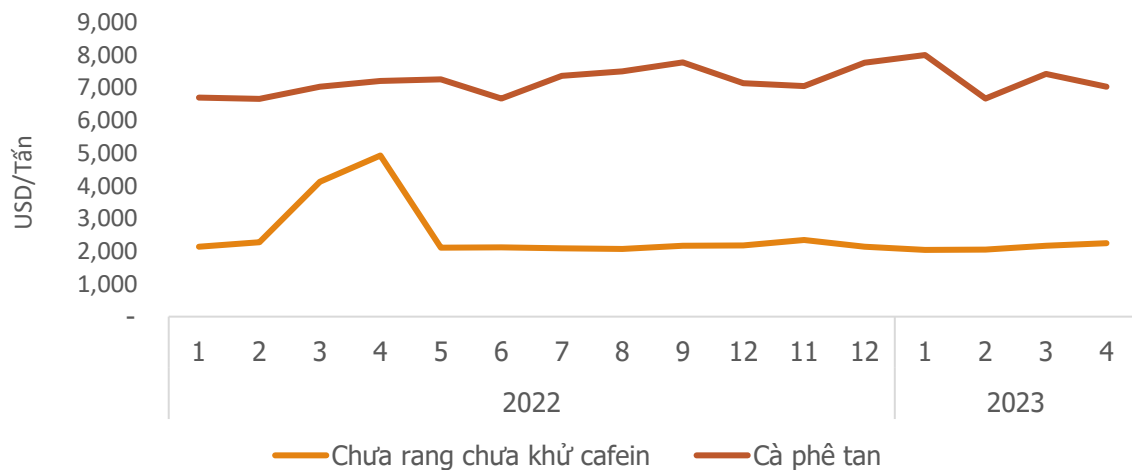


# CÀ PHÊ

## Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



## Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường EU T4/2023



### Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **138,2** Triệu USD  
Giảm **15,1%** so với T3/2023  
Tăng **2,0%** so với T4/2022



### Cà phê tan

Kim ngạch: **4,5** Triệu USD  
Giảm **49%** so với T3/2023  
Giảm **4,7%** so với T4/2022



### Chưa rang đã khử cafein

Kim ngạch: **4,4** Triệu USD  
Giảm **5,9%** so với T3/2023  
Tăng **25,9%** so với T4/2022

### Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **7.022** USD/tấn; giảm **5,3%** so với tháng trước; và tăng **3,5%** so với cùng kỳ năm 2022.

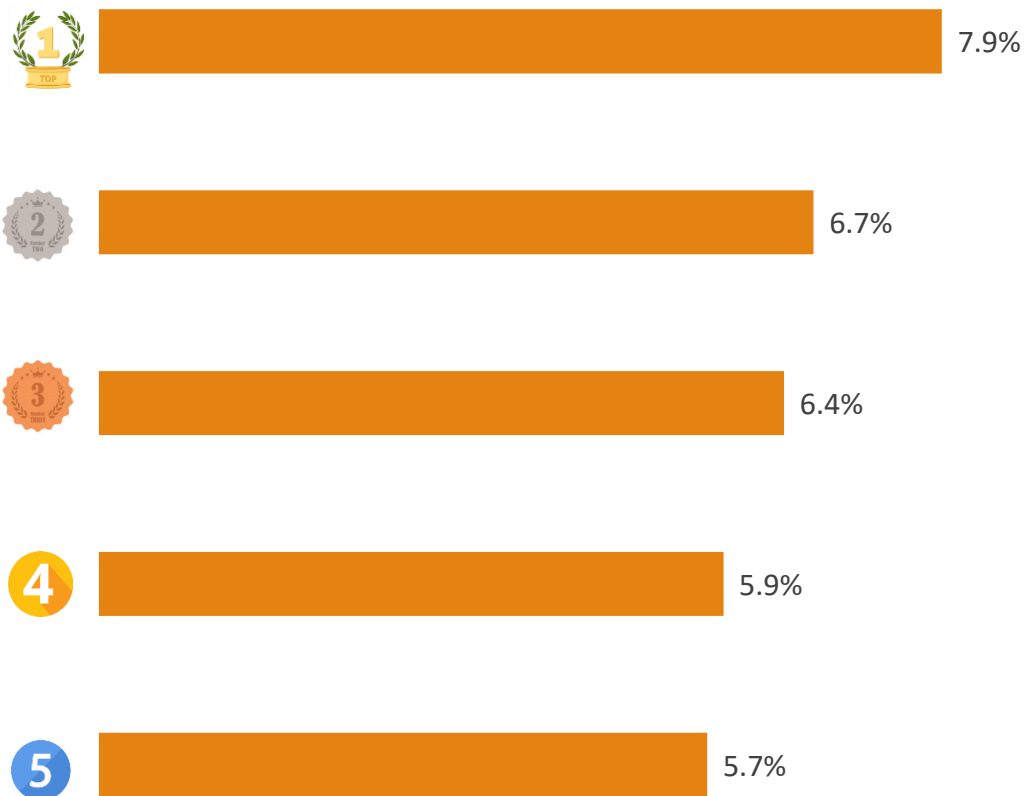
### Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **2.245** USD/tấn; giảm **2,6%** so với tháng trước; và giảm **54,4%** so với cùng kỳ năm 2022.

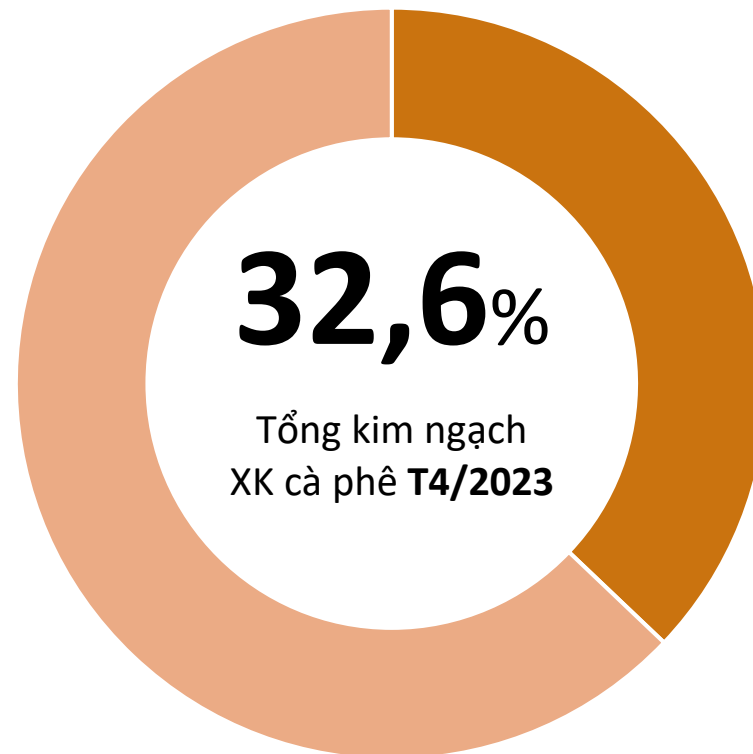


# CÀ PHÊ

## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023





### 01. Nhập khẩu cà phê Quý I/2023 của Thụy Sĩ giảm 9%

Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế, Thụy Sĩ nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt 52,56 nghìn tấn, trị giá 310,92 triệu USD, giảm 4,2% về lượng, nhưng tăng 9,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Quý I/2023, Thụy Sĩ nhập khẩu chủ yếu cà phê chưa rang (có mã HS 090111: trừ cà phê rang xay và loại bỏ caffein), chiếm 89,48% tổng lượng nhập khẩu cà phê của nước này, đạt trên 47 nghìn tấn, trị giá 255,92 triệu USD, giảm 3,4% về lượng, nhưng tăng 11,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tiếp theo là cà phê rang (có mã HS 090121, nhưng không bao gồm cà phê đã khử caffeine), lượng nhập khẩu đạt trên 3 nghìn tấn, trị giá 38,28 triệu USD, tăng 1,4% về lượng và tăng 7,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái

*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương (5/2023)*

### 02. Quán cà phê ở Châu Âu tăng trưởng dương hậu đại dịch Covid

Theo Cổng thông tin cà phê Quốc tế, trong 12 qua, thị trường quán cà phê châu Âu đã tăng trưởng 3,3%, với 42.804 cửa hàng, và 74% nhà khai thác báo cáo tăng trưởng doanh số. Tuy nhiên, báo cáo chỉ ra rằng các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh quán cà phê tại châu Âu hiện đang phải đối mặt với những thách thức như lạm phát cao, các vấn đề về chuỗi cung ứng và những ảnh hưởng kinh tế đang diễn ra từ cuộc chiến ở Ukraine. Trong đó, 20 chuỗi cà phê có thương hiệu lớn nhất châu Âu chiếm 48% tổng số cửa hàng, với Costa Coffee (có trụ sở tại Anh) là chuỗi lớn nhất châu Âu.

*Nguồn: Worldcoffeeportal (5/2023)*





# HỒ TIÊU

## Khối lượng và giá trị hồ tiêu xuất khẩu thị trường EU T4/2023



## Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU T4/2023

**KIM NGẠCH**  
**12,8** triệu USD

↘ Giảm **7,8%** so với T3/2023

↘ Giảm **45,6%** so với T4/2022

↓ Thấp hơn **3,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **45,2 tr.USD**, đạt **22,9%** kim ngạch 2022

**KHỐI LƯỢNG**  
**3.217** tấn

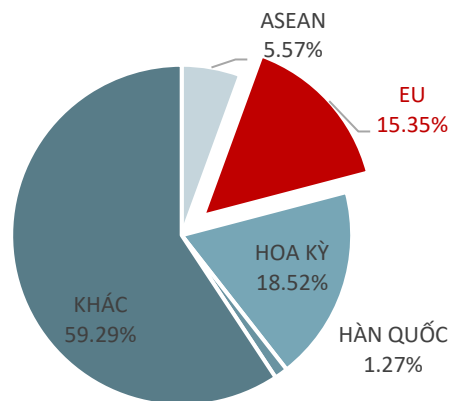
↘ Giảm **5,8%** so với T3/2023

↘ Giảm **32,4%** so với T4/2022

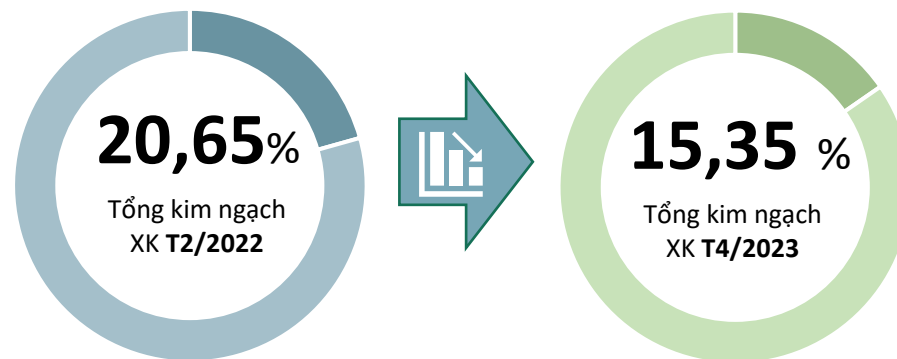
↓ Thấp hơn **150 tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **11,2** nghìn tấn, đạt **27,6%** khối lượng năm 2022

## Tỷ trọng giá trị hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU T4/2023



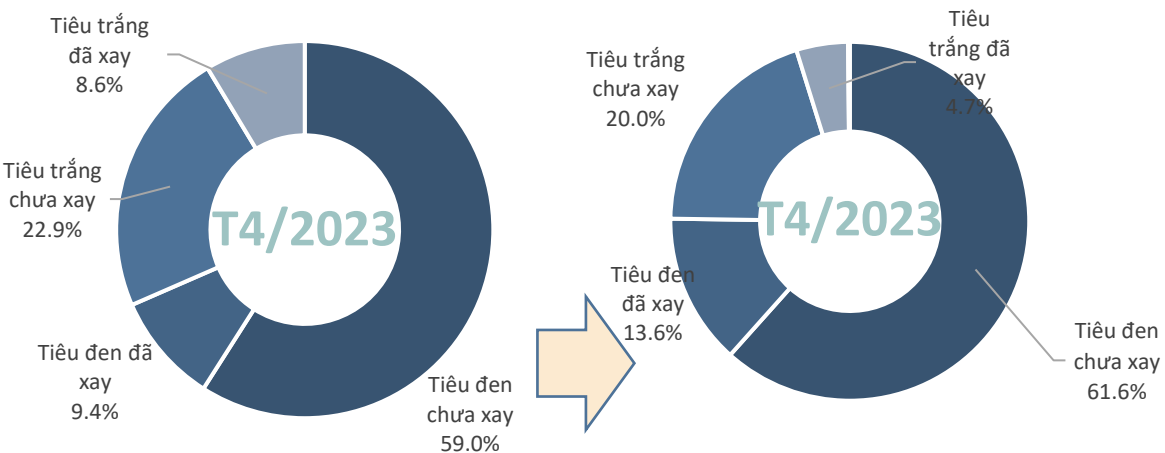
## Biến động tỷ trọng giá trị hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU





# HỒ TIÊU

## Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường EU T4/2023



## Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU T4/2023



### Tiêu đen chưa xay

Kim ngạch: **7,9** triệu USD  
Giảm **3,2%** so với T3/2023  
Giảm **43,2%** so với T4/2023



### Tiêu đen đã xay

Kim ngạch: **1,7** triệu USD  
Tăng **74%** so với T3/2023  
Giảm **21,4%** so với T4/2023



### Tiêu trắng chưa xay

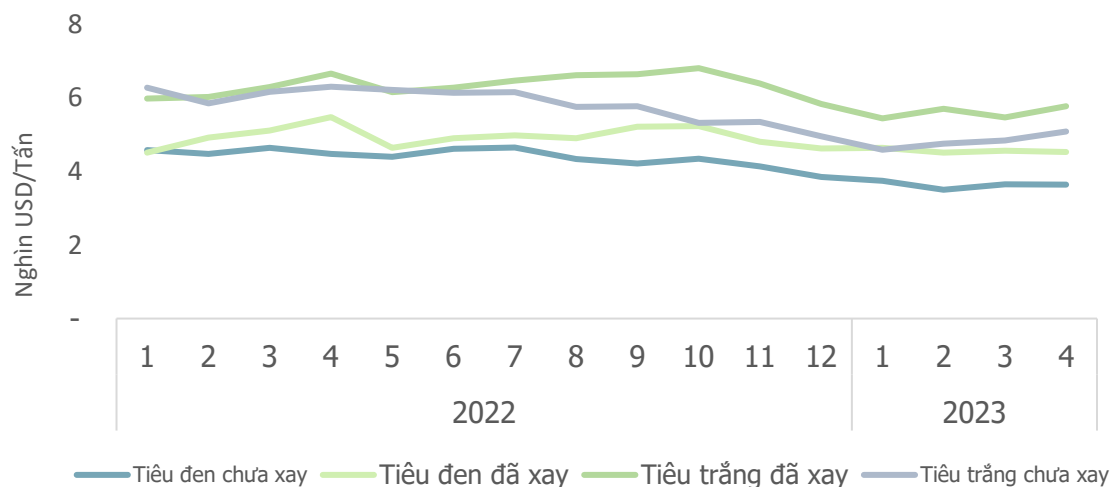
Kim ngạch: **2,6** triệu USD  
Giảm **24,7%** so với T2/2023  
Giảm **52,6%** so với T4/2023



### Tiêu trắng đã xay

Kim ngạch: **0,6** triệu USD  
Giảm **55,6%** so với T2/2023  
Giảm **70,6%** so với T4/2023

## Giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân sang thị trường EU T4/2023



### Tiêu đen chưa xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **3.639** USD/tấn; giảm **0,3%** so với tháng trước; và giảm **18,8%** so với cùng kỳ năm 2022.

### Tiêu trắng chưa xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **5.082** USD/tấn; tăng **5,1%** so với tháng trước; và giảm **14,7%** so với cùng kỳ năm 2022.

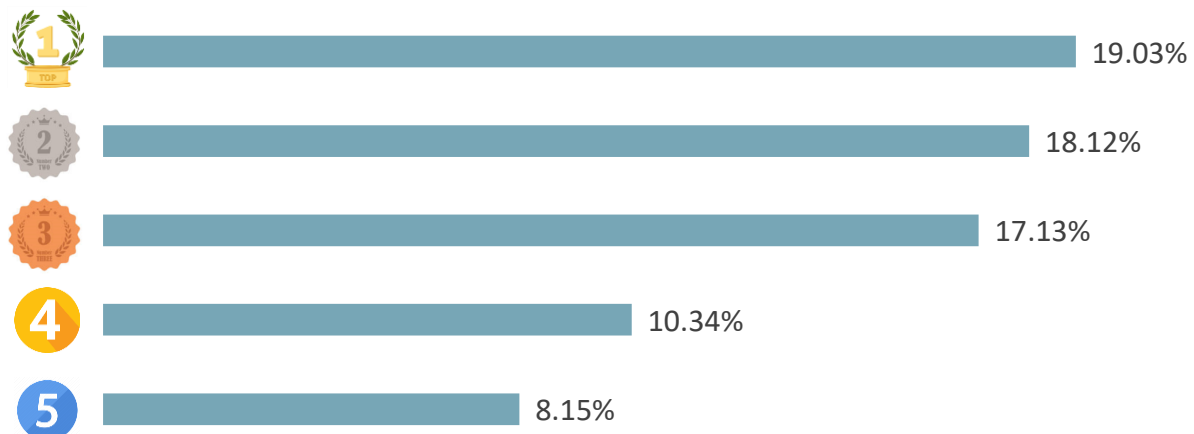
### Tiêu trắng đã xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **5.774** USD/tấn; tăng **5,7%** so với tháng trước; và giảm **13,3%** so với cùng kỳ năm 2022.

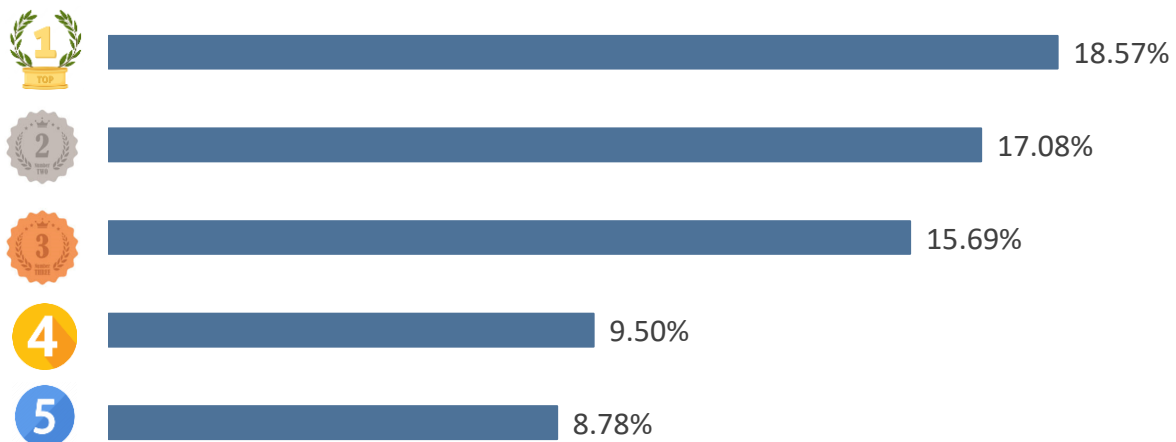


# HỒ TIÊU

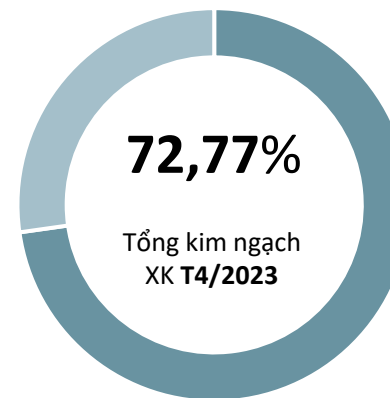
## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu T4/2023



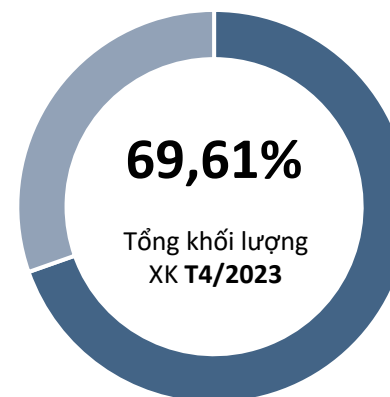
## TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023







# ĐIỀU

## Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường EU T4/2023

### KIM NGẠCH

**61,8** triệu USD

↘ Giảm **0,8%** so với T3/2023

↗ Tăng **12,8%** so với T4/2022

↗ Tăng hơn **6,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **201,8** tr.USD, đạt **30%** kim ngạch 2022

### KHỐI LƯỢNG

**10.844** tấn

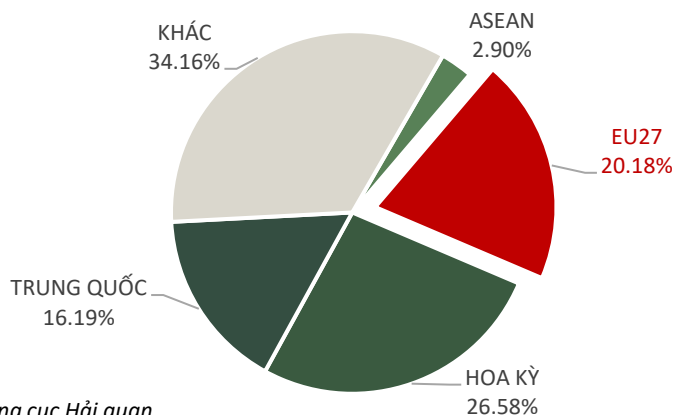
↗ Tăng **2,5%** so với T3/2023

↗ Tăng **9,3%** so với T4/2022

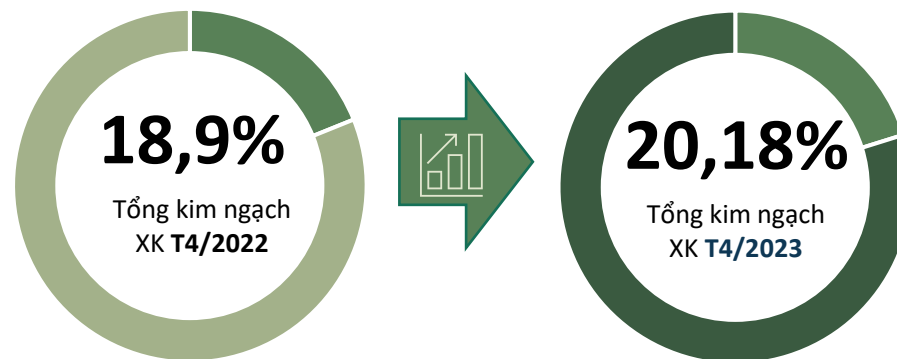
↗ Tăng hơn **1,4 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **34,6** nghìn tấn, đạt **31%** khối lượng năm 2022

## Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường EU T4/2023



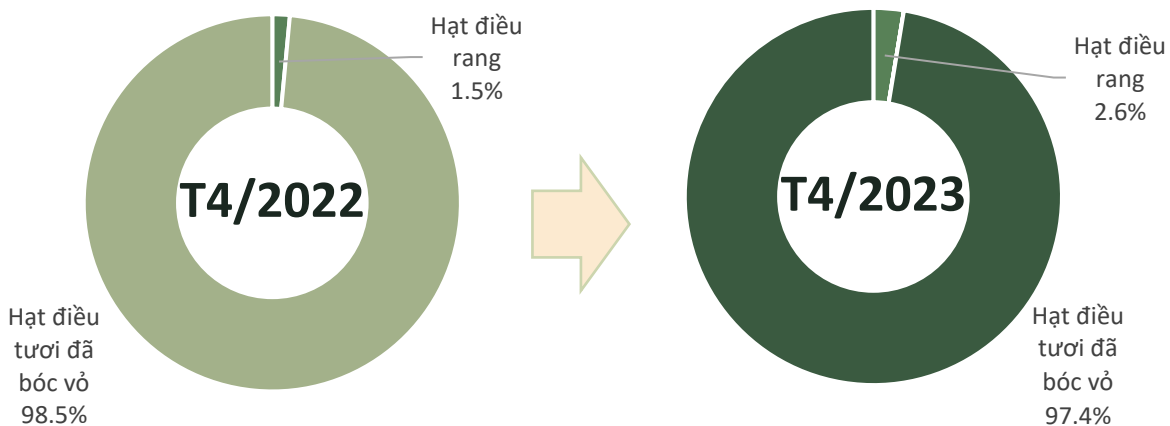
## Biến động tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường EU



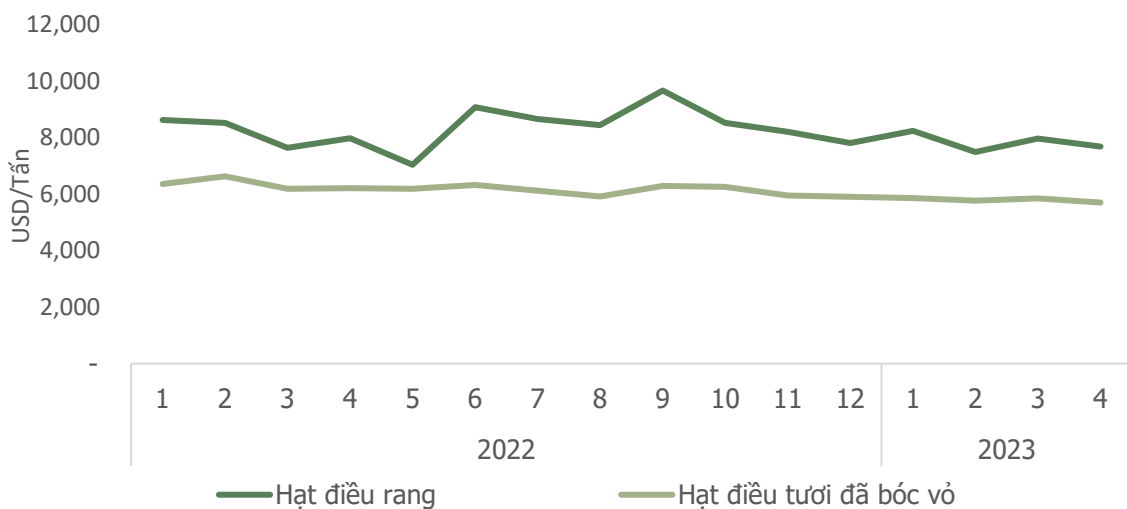


# ĐIỀU

## Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường EU T4/2023



## Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường EU T4/2023



## Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường EU T4/2023



### Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **60,5** triệu USD

Giảm **0,3%** so với T3/2023

Tăng **12%** so với T4/2022



### Điều rang

Kim ngạch: **1,616** triệu USD

Giảm **21%** so với T3/2023

Tăng **56%** so với T4/2022

### Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **5.696** USD/tấn; **giảm 2,6%** so với tháng trước; và **giảm 8,2%** so với cùng kỳ năm 2022.

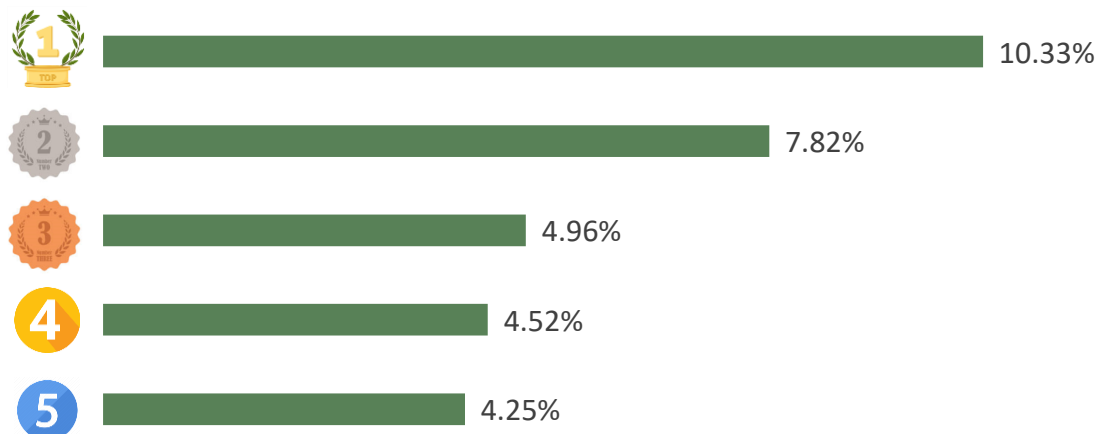
### Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **7.680** USD/tấn; **giảm 3,5%** so với tháng trước; và **giảm 3,7%** so với cùng kỳ năm 2022.

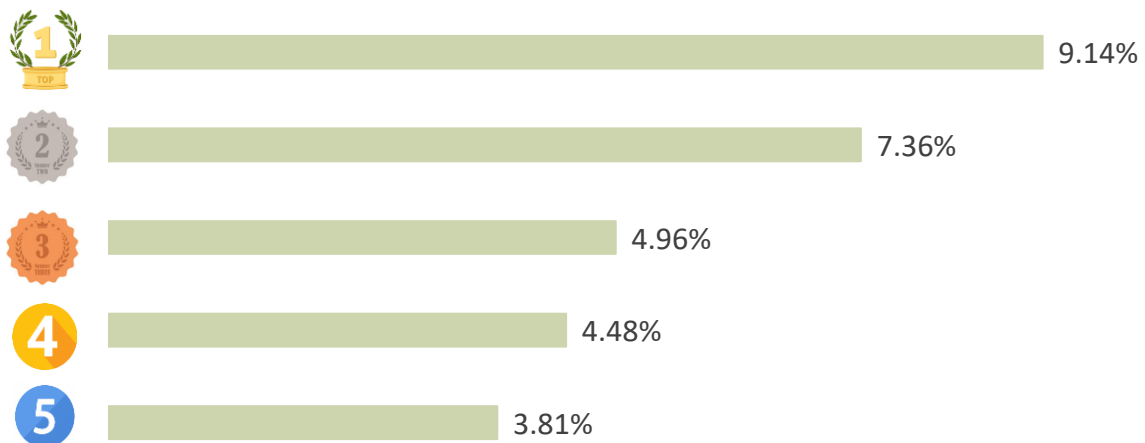


# ĐIỀU

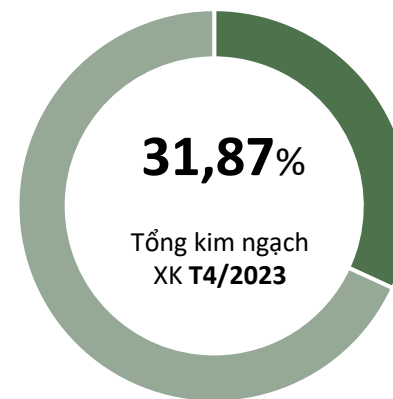
## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu T4/2023



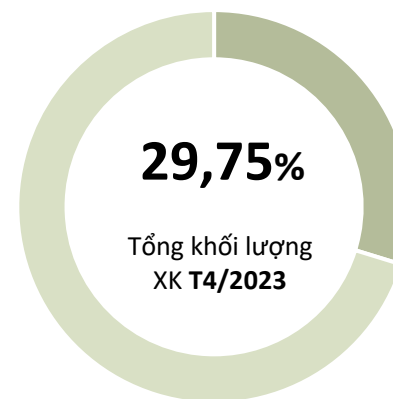
## TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023



## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG ĐIỀU EU



Tin liên quan



Trong 2 tháng đầu năm 2023, Đức nhập khẩu hạt điều từ thị trường nội khối EU đạt 6,65 nghìn tấn, trị giá xấp xỉ 32 triệu EUR (tương đương 35,87 triệu USD), tăng 186,5% về lượng và tăng 117,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Đức nhập khẩu hạt điều chủ yếu từ Hà Lan, đạt 6,15 nghìn tấn, trị giá 28,55 triệu EUR (tương đương 32 triệu USD), tăng 238,2% về lượng và tăng 158,6% về trị giá.

Cũng trong thời gian này, Đức nhập khẩu hạt điều từ thị trường ngoại khối EU, đạt xấp xỉ 6,78 nghìn tấn, trị giá 42,7 triệu EUR (tương đương 47,86 triệu USD), giảm 7,7% về lượng và giảm 10,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Đức giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, mức giảm 16,3% về lượng và giảm 17,7% về trị giá. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức từ thế giới giảm mạnh, từ 60% trong 2 tháng đầu năm 2022 xuống 36,18% trong 2 tháng đầu năm 2023.

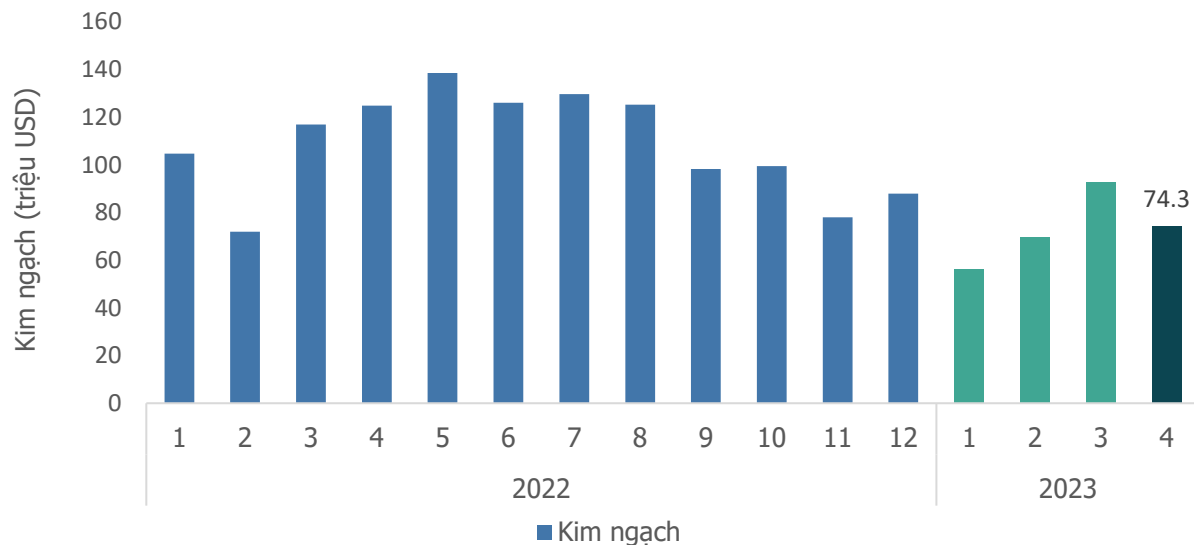
*Nguồn: Bản tin thị trường, Bộ Công Thương (05/2023)*





# Thủy sản

## Khối lượng và giá trị Thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu Thủy sản sang thị trường EU T4/2023

### KIM NGẠCH

**74,3** triệu USD



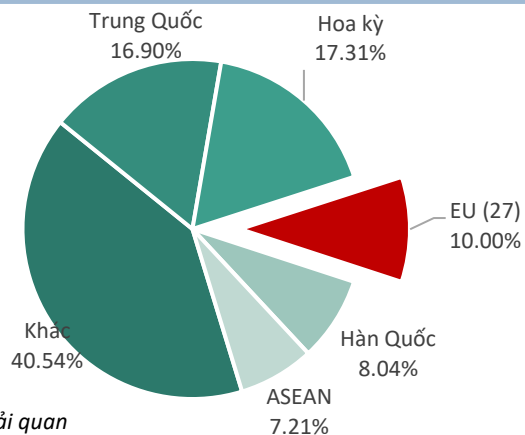
↘ Giảm **19,8%** so với T3/2023

↘ Giảm **40,5%** so với T4/2022

↓ Thấp hơn **34,2 triệu USD** so với bình quân năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **292,8 tr.USD**, đạt **22,5%** kim ngạch 2022

## Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường EU T4/2023



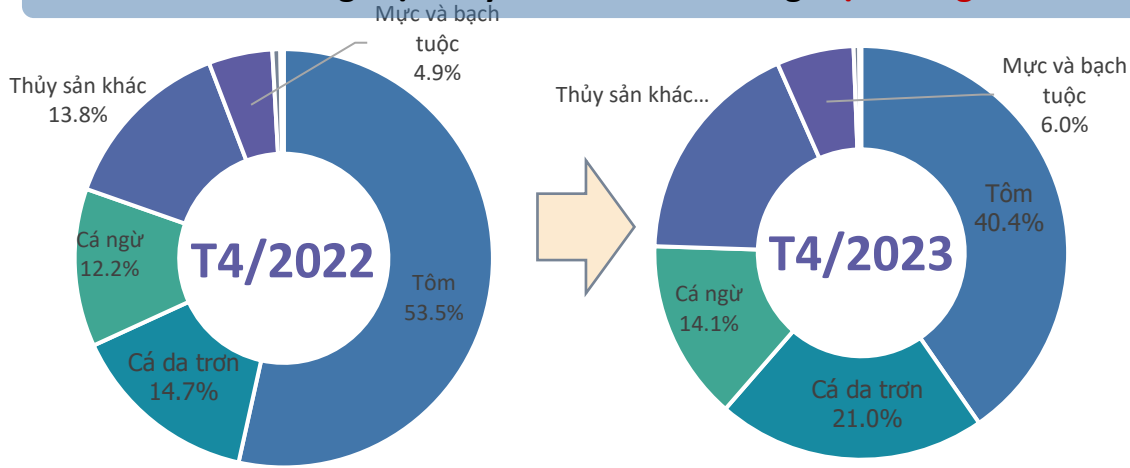
## Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản VN sang thị trường EU T4/2023





# Thủy sản

## Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU T4/2023



### Tôm

Kim ngạch: **29,5** Triệu USD  
Giảm **20,8%** so với T3/2023  
Giảm **55,5%** so với T4/2022



### Cá da trơn

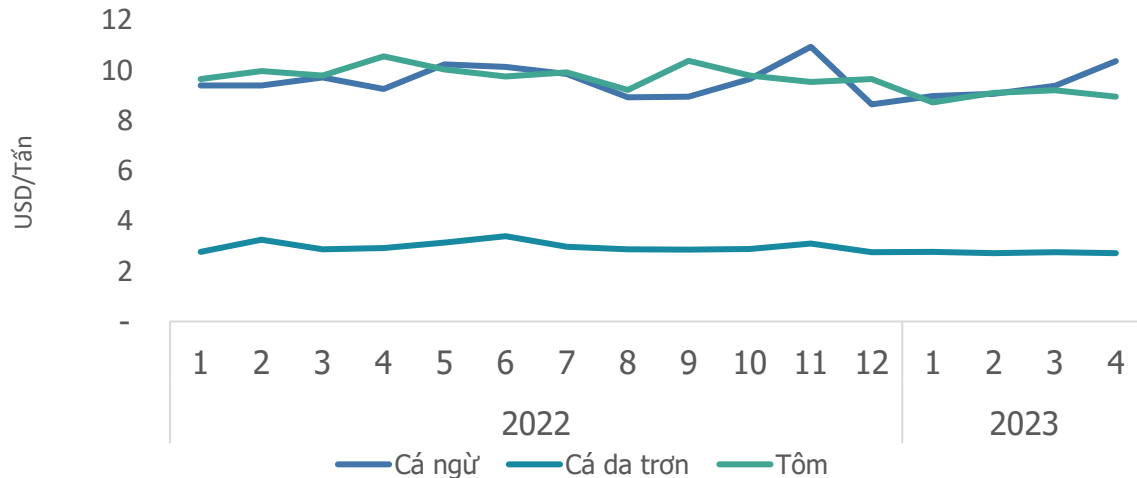
Kim ngạch: **15,5** Triệu USD  
Giảm **19,5%** so với T3/2023  
Giảm **15,4%** so với T4/2022



### Cá ngừ

Kim ngạch: **10,4** Triệu USD  
Giảm **26,0%** so với T3/2023  
Giảm **31,8%** so với T4/2022

## Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



### Cá ngừ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **10,4** USD/kg; **tăng 10,5%** so với tháng trước; và **tăng 11,9%** so với cùng kỳ năm 2022.

### Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **2,7** USD/kg; **giảm 1,3%** so với tháng trước; và **giảm 7,2%** so với cùng kỳ năm 2022.

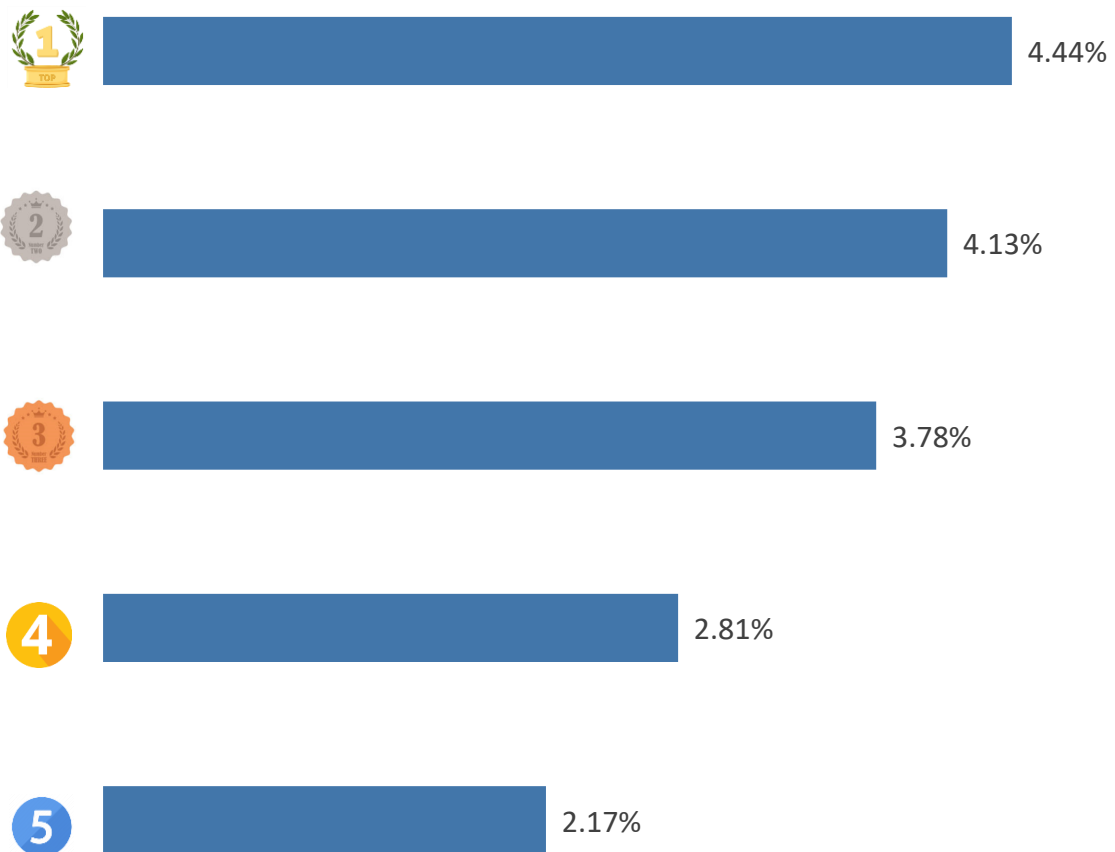
### Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **8,9** USD/kg; **giảm 2,7%** so với tháng trước; và **giảm 15,2%** so với cùng kỳ năm 2022.

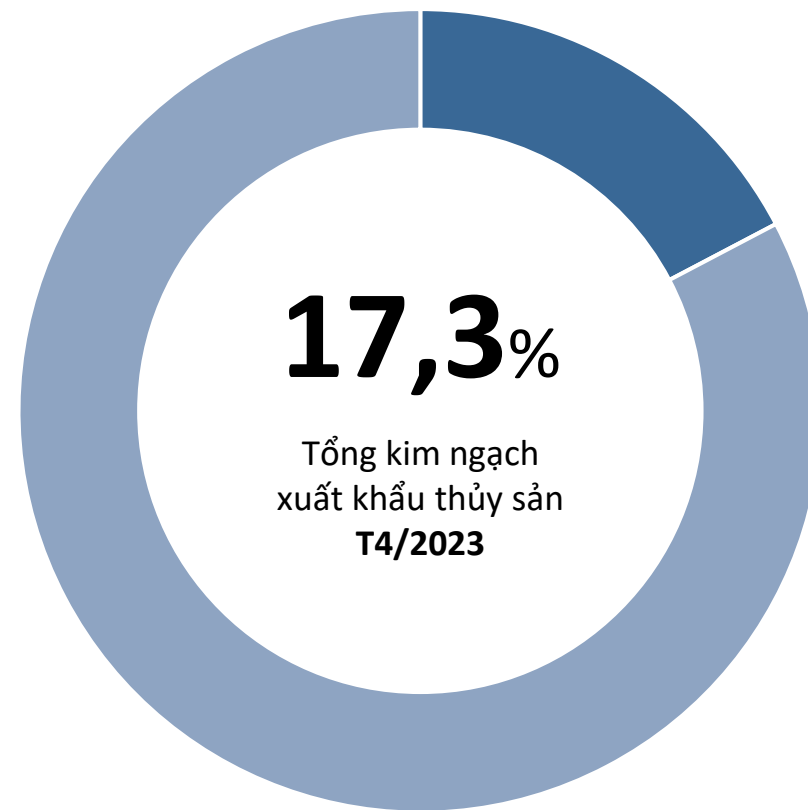


# Thủy sản

## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023



# ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN EU



01

## Lạm phát cao tiếp tục ảnh hưởng đến ngành fish & chip của Anh

Theo Văn phòng Thống kê Quốc gia, lạm phát giá tại các quán ăn cá và khoai tây chiên tháng 3/2023 tăng 19% so với cùng kỳ. Khoảng 30 đến 40% cá được sử dụng trong các cửa hàng cá và khoai tây chiên có nguồn gốc từ Nga, với lệnh trừng phạt áp thuế 35% đối với sản phẩm cá thịt trắng của Nga đã đẩy giá sản phẩm lên cao nhất kể từ năm 1976.

*Nguồn: VASEP (5/2023)*

02

## Mức tiêu thụ thủy sản giảm tại EU

Đầu năm 2023, mức tiêu thụ các sản phẩm thủy sản tươi của hộ gia đình ở tất cả các Quốc gia Thành viên EU đã giảm cả về khối lượng và giá trị so với cùng kỳ 2022. Mức giảm lớn nhất được ghi nhận ở Đan Mạch, giảm 39% về lượng và giảm 34% về giá trị.

*Nguồn: Fishretail(5/2023)*



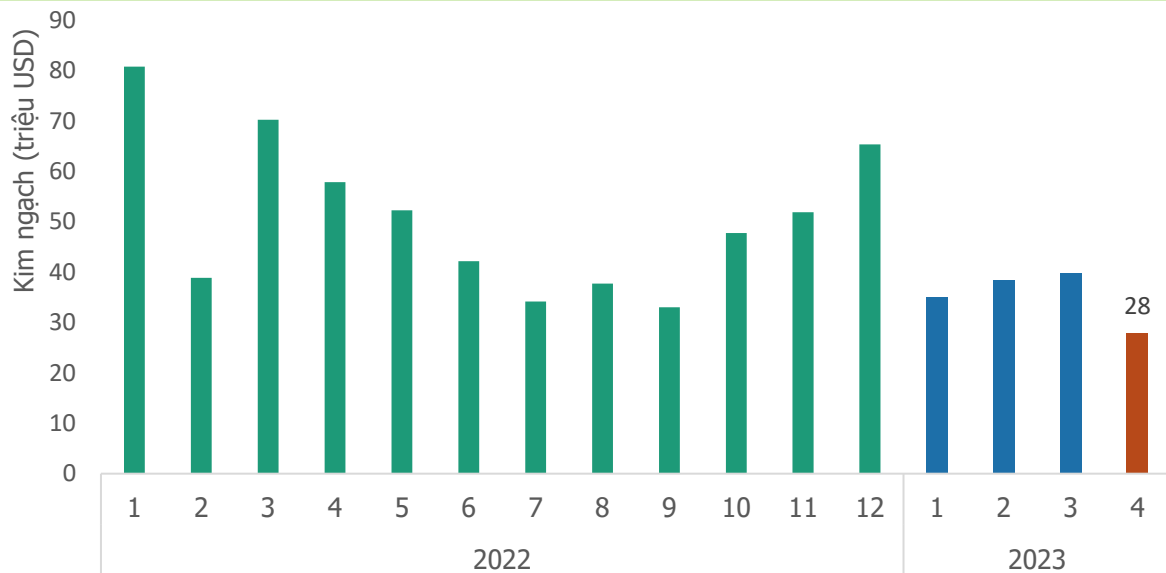
Tin liên quan





# GỖ VÀ SP GỖ

## Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường EU T4/2023

### KIM NGẠCH



# 28

triệu USD

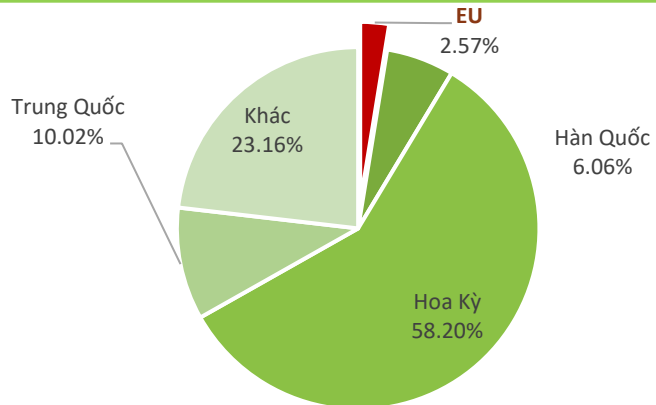
↘ Giảm **29,9%** so với T3/2023

↘ Giảm **51,7%** so với T4/2022

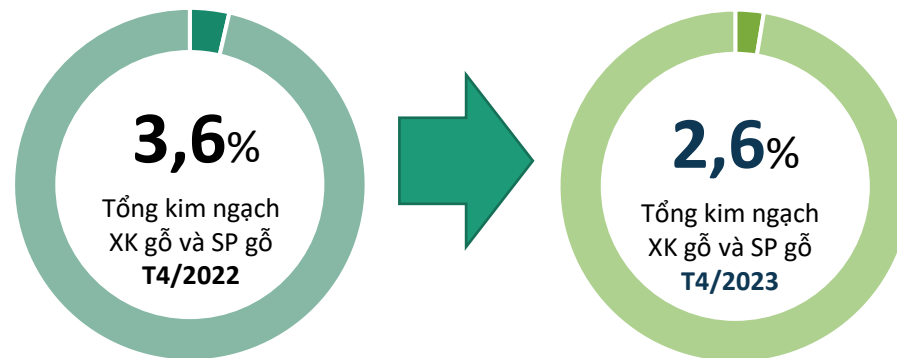
↓ Thấp hơn **23 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 3 tháng đạt **141 tr.USD**, đạt **23%** kim ngạch 2022

## Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường EU T4/2023



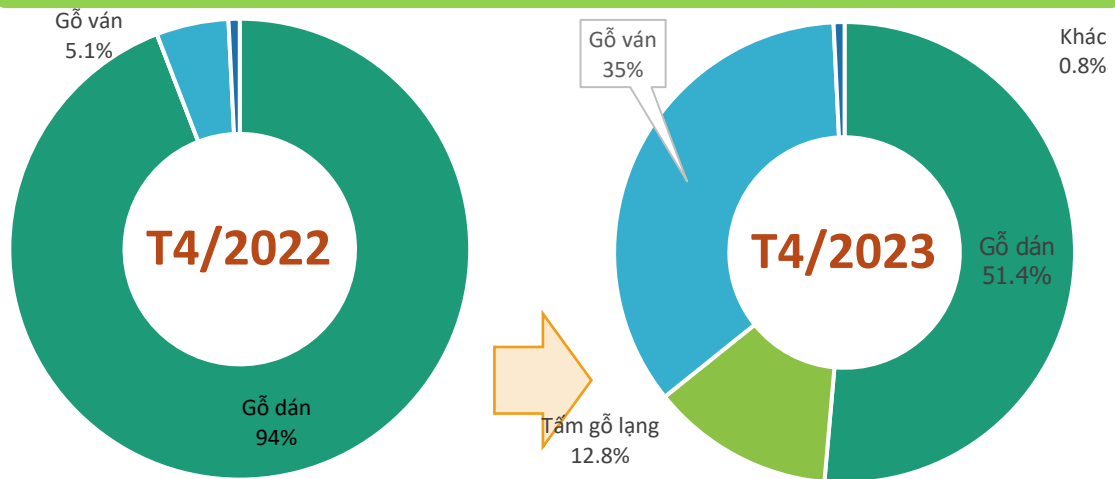
## Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường EU T4/2023





# GỖ VÀ SP GỖ

## Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường EU T4/2023



### Gỗ dán

Kim ngạch: **461,1** nghìn USD  
Giảm **17%** so với T3/2023  
Giảm **68%** so với T4/2022



### Tấm gỗ lạng

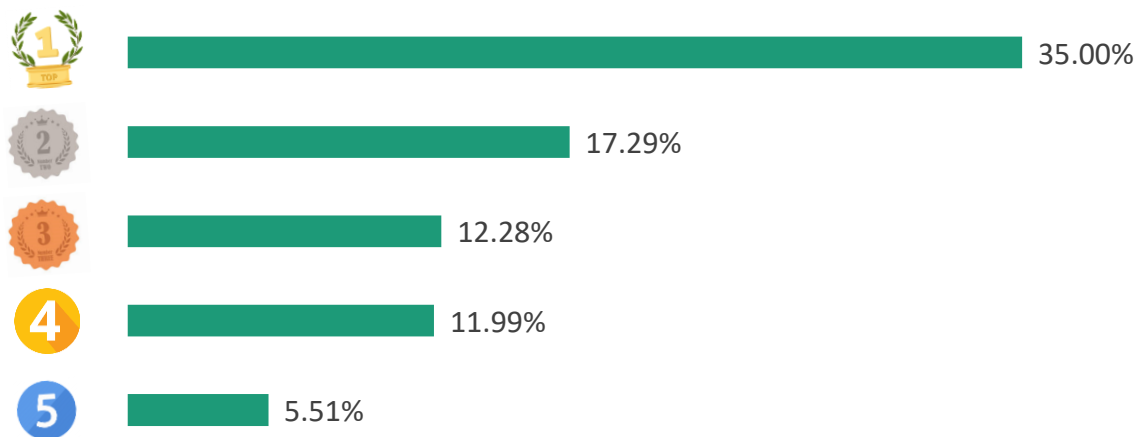
Kim ngạch: **115,2** nghìn USD  
Giảm **75%** so với T3/2023  
Tăng **100%** so với T4/2022



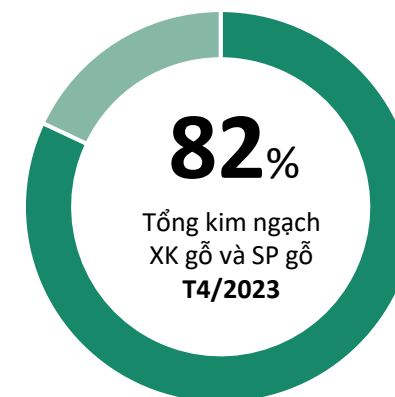
### Gỗ ván

Kim ngạch: **314,0** nghìn USD  
Tăng **5%** so với T3/2023  
Tăng **305%** so với T4/2022

## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu T4/2023





# GỖ VÀ SP GỖ



## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ EU

Trong Quý I/2023, EU đã nhập khẩu 427.000 tấn gỗ nhiệt đới và đồ gỗ nội thất với giá trị 896 triệu USD, giảm 12% về lượng và 22% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

*Nguồn: ITTO*

Trong Quý I/2023, EU đã nhập khẩu 74.400 tấn đồ gỗ nội thất từ các quốc gia nhiệt đới với tổng giá trị 350 triệu USD, giảm 30% về lượng và giá trị so với cùng kỳ 2022.

*Nguồn: ITTO*

Nhập khẩu gỗ xẻ nhiệt đới của EU Quý I/2023 ước đạt 232 nghìn m<sup>3</sup>, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2022.

*Nguồn: ITTO*

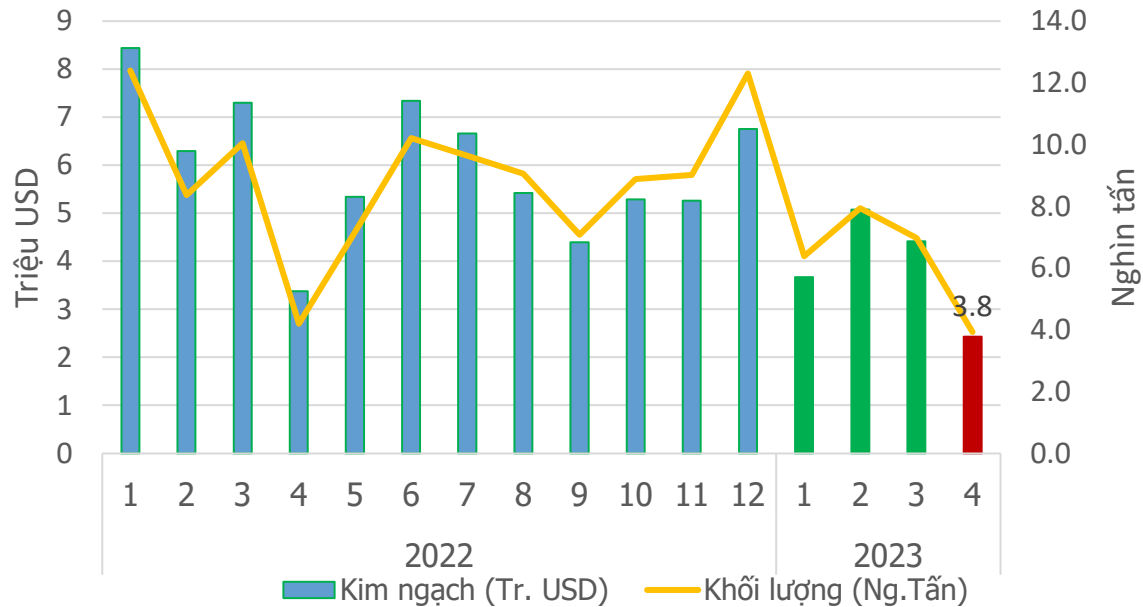


TIN LIÊN QUAN



# CAO SU

## Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường EU T4/2023

**KIM NGẠCH**  
**3,78** triệu USD

↘ Giảm **44,9%** so với T3/2023

↘ Giảm **28,0%** so với T4/2022

↓ Thấp hơn **5,53 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **24,3 tr.USD**, đạt **21,7%** kim ngạch 2022

**KHỐI LƯỢNG**  
**2,53** nghìn tấn

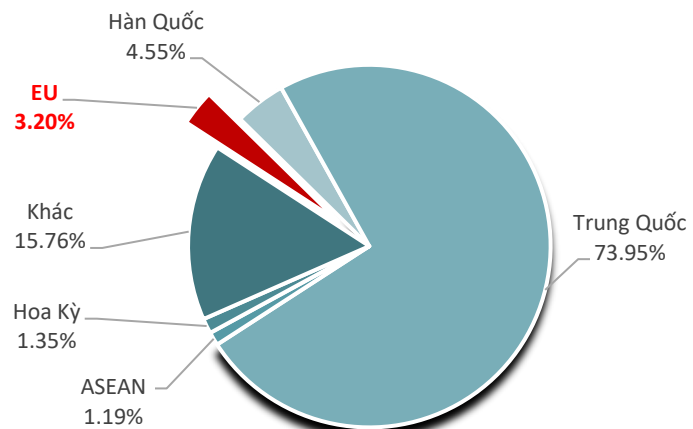
↘ Giảm **43,7%** so với T3/2023

↘ Giảm **30,5%** so với T4/2022

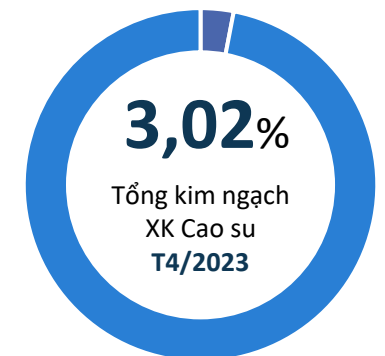
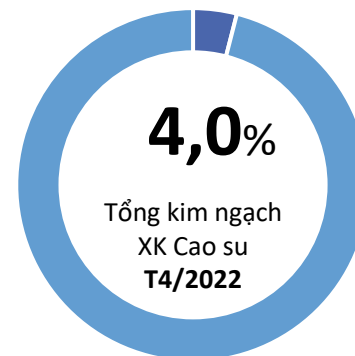
↓ Thấp hơn **3.278 tấn** so với bình quân theo tháng năm 2022

❖ Lũy kế 4 tháng 2023 đạt **16,2** nghìn tấn, đạt **23,3%** lượng năm 2022

## Tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường EU T4/2023



## Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường EU T4/2023

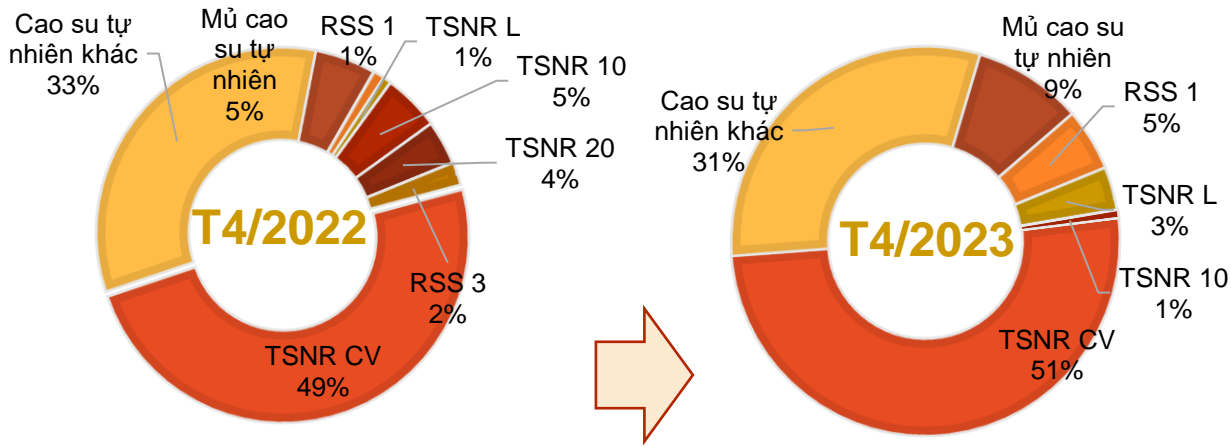






# CAO SU

## Cơ cấu chủng loại cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



## Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường EU T4/2023



### Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **1,35 triệu** USD  
 Giảm **26,5%** so với T3/2023  
 Giảm **26,0%** so với T4/2022



### TSNR CV

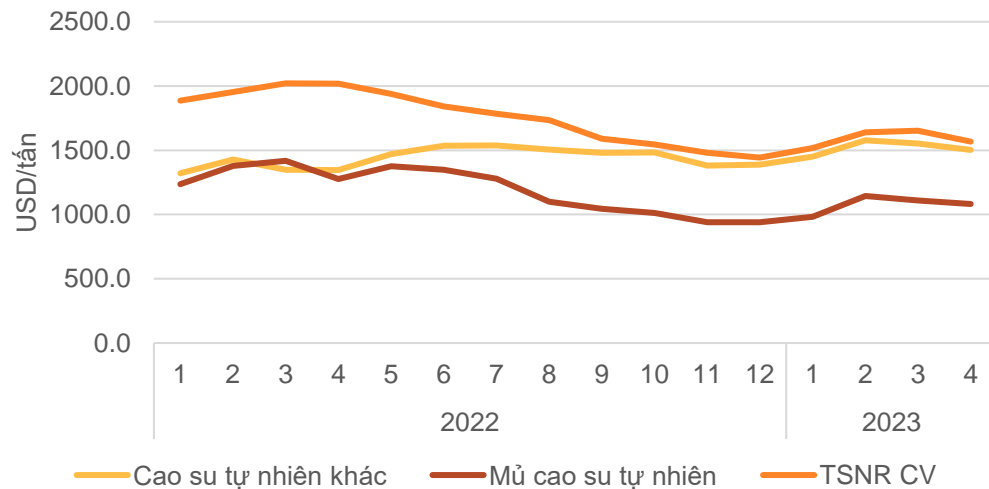
Kim ngạch: **2,22 triệu** USD  
 Giảm **49,1%** so với T3/2023  
 Giảm **17,3%** so với T4/2022



### Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **0,4 triệu** USD  
 Giảm **58,4%** so với T3/2023  
 Giảm **37,5%** so với T4/2022

## Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



### Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **1.502 USD/tấn**; giảm **3,2%** so với tháng trước; và tăng **11,7%** so với cùng kỳ năm 2022.

### TSNR CV

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **1.567 USD/tấn**; giảm **5,2%** so với tháng trước; và giảm **12,8%** so với cùng kỳ năm 2022.

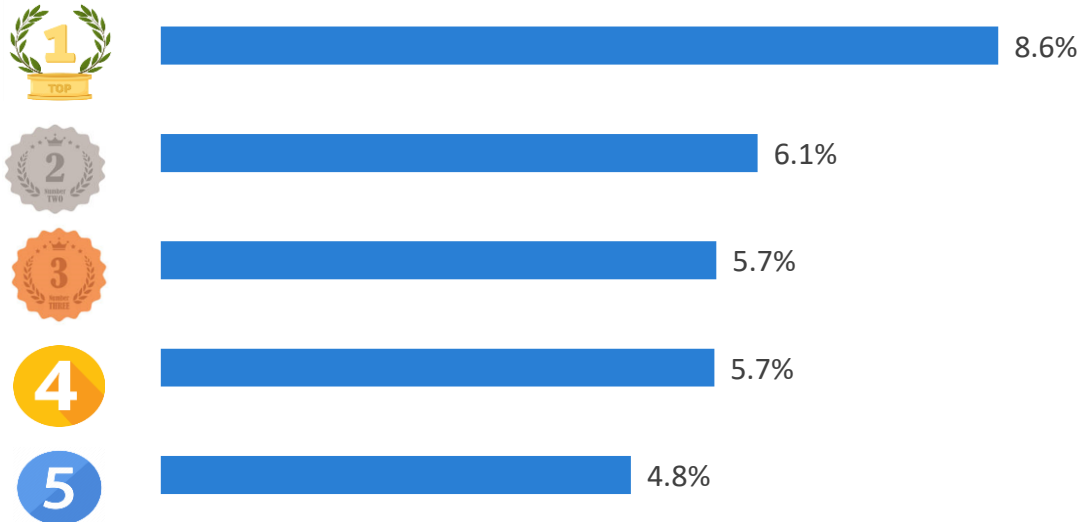
### Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2023 ở mức **1.081 USD/tấn**; giảm **2,5%** so với tháng trước; và giảm **26,5%** so với cùng kỳ năm 2022.

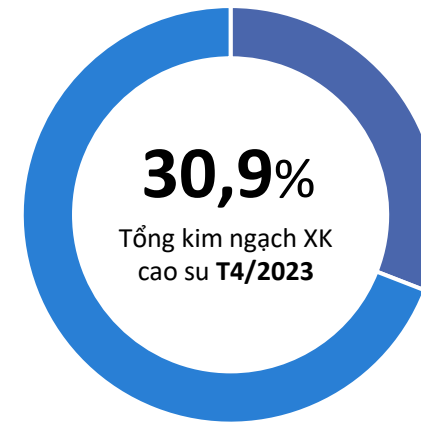


# CAO SU

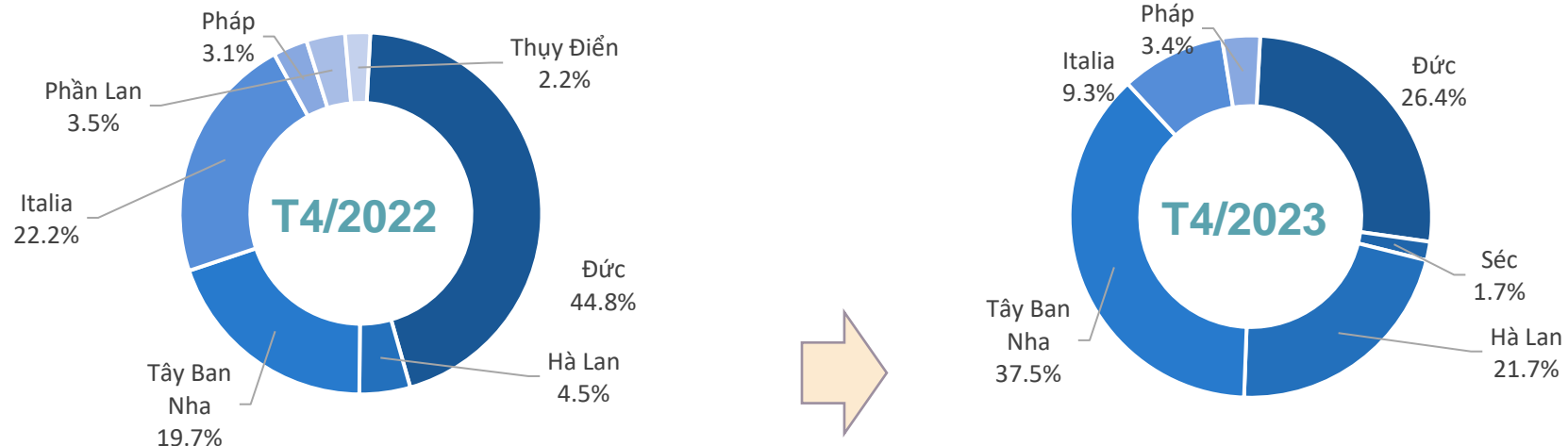
## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu T4/2023



## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp XK T4/2023



## Biến động tỷ trọng xuất khẩu sang một số nước trong khối EU



Với nhu cầu ổn định, đặc biệt đối với các loại gạo thơm, gạo chất lượng cao, EU sẽ tiếp tục là thị trường nhiều tiềm năng với doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam trong những tháng tới.

## Gạo



Xuất khẩu sang EU trong những tháng tới vẫn sẽ gặp nhiều bất lợi. Lạm phát tại châu Âu chưa đạt đỉnh, do vậy xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU khó có sự phục hồi mạnh.

## Thủy sản



Hiện nay, các quốc gia EU đang nhập khẩu nhiều cao su từ các thị trường nội khối. Nhu cầu nhập khẩu cao su của EU trong năm 2023 rất lớn, tuy nhiên thị trường này cũng đòi hỏi nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm nên các doanh nghiệp cần nghiên cứu các tiêu chuẩn kỹ thuật của EU đối với sản phẩm cao su. Ví dụ như quy định về gắn mác CE, tính an toàn sản phẩm, ghi nhãn, đóng gói, và đặc biệt là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

## Cao su



Năm 2023, kinh tế EU được dự báo chỉ tăng trưởng 0,5% so với mức tăng trưởng 2% của năm 2022, và lạm phát vẫn ở mức cao khoảng 7%. Điều này tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng đồ gỗ, đồng thời gây khó khăn cho các quốc gia xuất khẩu hàng hoá vào EU, trong đó có Việt Nam.

## Gỗ và sản phẩm gỗ



# Ipsard

## AGRO@INFO

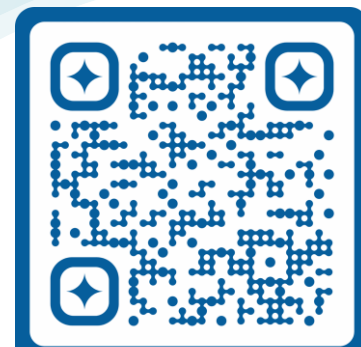
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**  
**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: [thongtinthitruong@ipsard.gov.vn](mailto:thongtinthitruong@ipsard.gov.vn); [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo